

THANH-NGHI!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-----------------------------------|
| — Tin tưởng | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Quyền khảo thí trong Hiến-pháp Trung-hoa | PHAN ANH |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII | NGUYỄN TRỌNG PHẤN |
| — Gia-dinh và giáo-dục : Vài phương-châm của chính sách giáo-dục dưới thời cách-mệnh Pháp (1789-1794) | TRỌNG ĐỨC ĐÌNH GIA TRINH |
| — Cảm giác quê | |
| — Danh văn ngoại quốc : Tập văn trong văn học Trung quốc ngày nay — Một lũ mê-mẩn (Nguyên văn của <i>Bạch chi Tuấn</i>) | VÔ TAM dịch |
| — Đời sống Đông-dương : Việc giống bông | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Tâm sự một nhà văn (Nhật-ký của <i>Julien Green</i>) | NGUYỄN QUÝ BÌNH và TRỌNG ĐỨC dịch |
| — Việc quốc tế | D. Đ. Đ |

NĂM THỨ TƯ SỐ 74 — NGÀY 15 JUILLET 1944

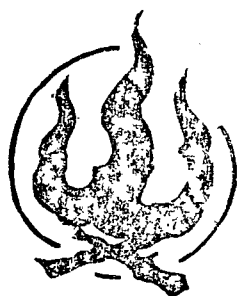
TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DÀ, HÀ NỘI. Giấy in : 19.43 — GIÁ 0\$50
214 PHỐ HÀNG BÔNG HÀ NỘI — GIÁ 0\$40

GIÁ BÁO. — BẮC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÀO 3 th. 6\$00. 6 th. 11\$00. 12 th. 20\$00

BAO THANH NGHI

Trong số 22 Juillet 1944

- | | |
|---|-------------------|
| — Nghề nông trong cuộc kinh doanh mới | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Tư tưởng xã-hội học hiện đại: Khí hậu và sức khỏe | A. A. dịch |
| — Vấn-đề tài chính nước ta về đời vua Tự-Đức (1847 - 1883). | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Vài phương-châm của chính-sách giáo-dục dưới thời Cách-mệnh Pháp (1789-1794) (Tiếp theo). | TRỌNG ĐỨC |
| — Định nghĩa Huế | MAI ANH |
| — Tâm sự một nhà văn (Nguyên văn của Julien Green). | NGUYỄN QUY BÌNH |
| — Phải nắm lấy hiện tại (Tập văn). | và TRỌNG ĐỨC dịch |
| — Đọc sách mới. | VÔ TAM dịch |
| — Những bước đi ngang. | THẾ THUY |
| | ĐỖ ĐỨC THU |



NHÀ XUẤT BẢN

— LU'A —
HONG

Thư và ngân phiếu đề :
Ô. Nguyễn hữu Đình
92 — Sinh từ — HANOI

Đã phát hành :

SỨC SỐNG CỦA DÂN VIỆT NAM

Gồm ba cuộc nói chuyện:

Con đường của dân tộc ta
Nguồn sống trong đời đoàn thể
Sức sống dân Việt nam qua ca dao và cổ
vị h
do Tổng Hội sinh viên tổ chức tại rạp Olympia và nhà hát lớn Hà Nội và đã được nhiệt liệt hoan nghênh.

Giá 1\$50

Đang in : ĐỒNG VỌNG (IV) của Hoàng Quý

Tập đại hát lịch sử với các tên kỳ : Lưu hữu Phước, Nguyễn thành Nguyễn, Mai văn Bý, Hoàng Quý, Hoàng Phúc, Hoàng Độ, Văn Cao v. v . . .
Giá 0\$60

MỚI XUẤT BẢN :

* TRUNG DUNG *

là một bộ sách, có thể nói, gói hết cả cá
tính vì cấu trúc lý Không giáo. Đọc

* TRUNG DUNG *

mà nhận xét rõ kỹ, và theo chủ đán, thì
không thể được bậc thành hiền ít ra
cũng học được cái cần để làm người quân tử

* TRUNG DUNG *

là cái bùa hộ mệnh cho hết thảy mọi người
đương bấn khoăn, ngỡ ngàng không biết xu
hướng về một lý tưởng nào ở đời cho chắc.

* TRUNG DUNG *

nghĩa-lý rất uẩn, ý-lý rất siêu-việt, người
mới học khó mà hiểu hết được nên ông
Phan-Khoang (tác-giả cuốn Trung Quốc Sử
Lược) ngoài việc dịch âm, dịch nghĩa lại còn
nương theo lời chú của các tiên nho mà giảng
giải cho thật rõ ràng.

(có in cả nguyên văn chữ hán)

hạng giấy bán thường. 2\$00 (cước 0\$47)

= Thư và ngân phiếu gửi về =
NHÀ IN MAI-LINH — HÀ NỘI

DO DU'C DUC

Tất nhiên lúc này không phải là lúc bối lộng lim ỉt, — cái gì đã qua nên để cho nó qua —, nhưng cũng là điều bất đắc dĩ nếu muốn xét đến với nguyên-nhân của cuộc tiến hóa về tinh-thần dân-chúng Việt-Nam. Cho nên, đi xa hơn chút nữa, ta có thể nói dù sao họ cũng có một lỗi là đã tới sớm quá, đột ngột qua giữa một dân-tộc đang quen với những sự tốn sùng, kinh thượng mạnh mẽ, sâu xa, — cho dù là dở —, một dân-tộc chưa đủ chín để hiểu được cái thâm ý của một sự cởi tráo lộng theo kiểu Tây phương. Một dân-tộc trong buổi giao-thời hầu đã mất cái bản tâm vững vàng mà chỉ biết dựa-dựa và theo đòi với một cái tinh-thần đã suy-nhược lại vì đó mà suy thêm. Thành ra bao nhiêu pho tượng thiêng, tuy đã cũ, đột nhiên bị người ta đập đổ và tháo mạ, chỉ còn để lại một đồng vôi gạch vụn cho không, trong số những tượng đó đáng kể là pho tượng xưa kia sơn son thếp vàng choi loí của Khổng-Khư.

Dù người ta chỉ trích, bài bác Nho-giao thế nào, người ta cũng không chối cãi được rằng Nho-giao xưa kia đã là một nguồn lực-lượng tinh-thần mãnh-liệt của dân-tộc Việt-Nam. Từ đám sĩ-phu cho đến bọn thư-dan đều cùng chung một tín-tưởng, một tín-ngi-ỡng, mà mỗi khi quốc-gia lâm vào cảnh nguy-vong, nó đã nhóm bùng ngọn lửa của tâm-hồn họ, làm sôi lên một bầu máu nóng để làm rạn vỡ một trang lịch-sử của giống nòi. Một số đông những anh-hùng liệt-nữ ~~đã~~ ^{đã} ~~đau~~ ^{đau} ~~nước~~ ^{nước} ~~khổ~~ ^{khổ} ~~lưu~~ ^{lưu} danh lại hậu-thế chỉ vì một đạo, một đạo duy nhất, đạo thờ vua đó sao? Giải mũi của Khổng-Khuu tuy vậy mà đã có thể là giàng huỷ mọi phần tử của quốc-gia trong một mối tơ chung, gây nên cái tinh-thần liên-lạc không phải là không vô cùng chắc chắn.

* * *

Vẫn biết có những tin tưởng cần phải thay đổi cho hợp với trình-độ tiến-hóa của dân-tộc, — mà cho dù người ta không muốn thay rồi tự nó cũng lat nhiên biến đổi —, nhưng bốn phạm của tam tri-thức chính là phải biết nhận ra trước tiên điều do để hành-động cho kịp thời, ta phải hướng dẫn một cách mình mẫn gây cho dân chúng một tư tưởng mới với mọi chất của họ, với trình-độ của họ, để bù lấp vào chỗ trống rỗng gây nên do sự cũ

phá hoại, rút bỏ cái tin-tưởng truyền-thống xưa kia. Không thể trong giây phút nào một dân-tộc không có một tín-ngưỡng được !... Có thể tinh-thần của dân-tộc mới không bị một phen khủng-hoảng vì bờ ngõ, vì bị lênh đênh trên một con thuyền mất lái, giữa những sóng trào hỗn loạn cuộn cuộn từ phương trời xa đưa lại.

Ấy thế mà chính những phần tử tri thức xứ này lại đã bị ngợp trước khi — có khi đến chết đuối —, vì những làn sóng mãnh liệt kia, thì thực là thiếu đáng lo sợ biết chừng nào ! Họ cũng bờ ngõ như lạc vào rừng, họ cũng hoang mang vì mất tin tưởng, rồi có khi họ lại quên mình và tự lẫn mình xuống cái dốc của văn-minh vật-chất, với những thú vui về thể-chất, những tiện nghi cho xác thịt. Còn nói chi đến đám thứ dân, vì nghèo nàn, vì rất nát, lại vì bị bỏ rơi lơ lửng, mà sinh ra biết bao nhiêu tệ đoan, biết bao nhiêu thói xấu, phải đâu đó toàn là những quốc tính tự ngàn xưa của mình !... Đến nỗi không còn lấy một nơi để tin tưởng nữa !...

Không có một tín ngưỡng, tức là không có một giây liên-lạc mật-thiết giữa mọi phần tử, tức là không có một nguyên-động-lực để kích-thích sự hoạt-động hăng hái, nói tóm lại tức là không có một sức mạnh về tinh thần. Thiếu nó mọi dân-tộc phải đi đến chỗ diệt-vong !...

* * *

Cuộc chiến-tranh hiện thời với bao nhiêu việc thanh bại-hưng vong đột ngột và bất ngờ, đã lay tỉnh một số thanh-niên nước nhà, — tuy số đó vẫn còn ít ỏi —, và đưa dắt họ vào con đường của tín-phận. Những phần tử giác ngộ ấy đã hết sức tìm những cơ hội để gần gũi, để thân cận với dân-chúng, họ còn cần phải biết nhận lấy cái trách-nhiệm gây cho dân chúng một tin tưởng mạnh mẽ khác để thay cho cái tin tưởng xưa kia mà nay đã mất. Nhưng người ta có thể bờ ngõ trong công việc lựa chọn cái tin tưởng mới đó, nếu người ta thận trọng. Tất nhiên khi ông ta đặt lời lại thừa cũ, nhưng cũng vượt quá bước tuần-tự của thời-gian. Hấp tấp sinh ra tại hai : một lý-tưởng có thể là cao-siêu nhưng có khi hư con mắt non nớt ngày-dại của đám thường dân nó hiện ra như một hình ảnh quạ tản chỉ làm cho họ kinh hãi, không gây được lòng tin nhiệm, phục tùng.

Thiết tưởng ngày nay trước những cuộc sung đột ráo riết giữa mọi nước, trước cuộc tranh đấu gắt gao giữa mọi dân-tộc, dân-chúng Việt-Nam đã quên tai và đã hiểu biết, cái danh-từ « QUỐC-GIA » mà hằng ngày người ta thường nói. Thì sao ta chẳng có thể tìm ở đó một tín ngưỡng thiêng liêng cho nơi gối... Lòng Yêu Nước, việc Phụng-sự Quốc gia, đó là cái lý-tưởng thích hợp nào bằng cho dân chúng Việt-Nam ngày nay. Ta hãy đừng gót lại đó, đừng vội đi xa quá, đừng thì dãi mà chân còn yếu ớt...

BỘ ĐỨC DỤC

Quyền khảo thí trong Hiến-pháp Trung-hoa

PHAN ANH

Khác hẳn với hiến pháp của các nước, hiến pháp Trung Hoa đặt cơ quan khảo thí vào một địa vị đặc biệt ngang hàng, với cơ quan hành chính và lập pháp: quyền kiểm soát thi cùng với quyền giám sát, lập pháp, hành chính, tư pháp là ngũ quyền độc lập trong hiến pháp của Trung quốc.

Ta hãy xét qua quyền hành và tổ chức của Khảo thí viện là cơ quan tối cao cầm quyền khảo thí.

Quyền hành của Khảo thí viện có thể chia làm ba hạng :

1-) Quyền khảo tuyển

2-) Quyền thuyên tự

3-) Quyền lập pháp (trong quản hạt của viện)

Quyền kiểm soát tức là quyền kiểm tra khoa thi để chọn nhân tài. Quyền này đã ấn định trong một đạo luật công bố ngày 1 tháng tám năm Dân quốc 18 (1-8-1929) và thi hành ngày 1 tháng tư năm Dân quốc 19 (1-4-1930). Có ba thứ khảo thí : phổ thông tiểu thi, cao đẳng tiểu thi và đặc chủng khảo thí. Cách thi đại thể tổ chức cũng như ở các nước tân tiến. Ngày nay, vì giáo dục ở Trung Hoa ngày từ đời Thanh mặt đã đổi mới mà phỏng theo quy mô của Âu Mỹ.

Quyền thuyên tự tức là quyền nhiệm miễn, thưởng phạt các công chức : mỗi khi cần thì viện có quyền điều tra và quyết nghị.

Quyền lập pháp của viện tức là quyền được đề xuất nghị án ra Lập pháp Viện về những vấn đề thuộc về quản hạt khảo thí. Về phương diện này, thì Khảo thí viện cũng như là một cố vấn chuyên môn của Lập pháp viện.

Cách tổ chức của Khảo thí Viện đại thể cũng phỏng theo nguyên tắc xếp đặt phân liệt những quyền hành kể trên đây, và do đạo luật ngày 20

tháng tám năm Dân quốc 17 ấn định (20-10-1928)
Viện gồm có :

1-) Khảo tuyển ủy viên hội cầm quyền khảo tuyển kể trên ;

2-) Thuyên tự Bộ cầm quyền thuyên tự kể trên ;

3-) Tham Nghị xứ gồm có những vị tham nghị có nhiệm vụ lấy tờ ý kiến và đề xuất nghị án ra lập pháp viện ;

4-) Bí thư xứ trông coi công việc kế toán, thừa hành và xếp đặt phiên dịch hồ sơ.

Nhân viên Khảo thí viện đều do Chủ tịch quốc dân chính phủ nhiệm miễn, duy có vị Trưởng viện và phó trưởng viện là do « Trung ương chính trị ủy viên hội » của Quốc dân đảng, đề cử.

Cứ cách tổ chức ấy thì cơ quan khảo thí của Trung Quốc hiện thời khác cơ quan khảo thí của các nước Âu Mỹ ở hai quan điểm : ở các nước này, cơ quan khảo thí là một cơ quan nhất thời lễ đến kỳ thi cử mới họp, nhân viên phần nhiều là những giáo viên chuyên môn việc giáo dục, chứ không, có một ngạch riêng về việc khảo thí. Trái lại ở Trung quốc khảo thí viện là một cơ quan thường trực, chuyên việc khảo thí, tự trung cũng cần với đến các giáo viên tham dự việc khảo thí, nhưng vẫn gánh trách nhiệm chính và cầm quyền xếp đặt định đoạt. Điều khác thứ hai là Khảo thí Viện có quyền nhiệm miễn thưởng phạt công chức : quyền này, ở các nước Âu Mỹ, là thuộc về các cơ quan hành chính, như là hội đồng kỷ luật và những viên chức cao cấp có quyền định đoạt, (thị trưởng, tổng trưởng, quốc trưởng v.v.). Nói tóm lại, trong sự tổ chức của các nước thì các nhiệm vụ mà hiến pháp Trung quốc phó thác cho

Khảo thí Viện, đều do quyền hành chính đảm đương.

Vì sao nhà lập hiến Trung Hoa lại không theo cách tổ chức của các nước, mà lại đặt riêng một quyền khảo thí độc lập.

Hình như vì hai

Lẽ thứ nhất là sự khâm ngưỡng cựu chế Trung Hoa. Cựu chế cổ nhiều điều hủ bại, nhưng cũng có những đặc điểm được quốc dân công nhận là hay, trong những chế độ được mọi người khâm phục thì đang hết chế độ khảo thí.

Chế độ khảo thí đời xưa có hai tính cách đáng chú ý một là rất long trọng, dân gian ai cũng biết tới, hai là biểu thị một tinh thần, bình đẳng trong phân biệt giai cấp sang hèn.

Trong triều, thi tại cửu môn xưa thật là một thí dụ tuyên truyền khéo léo có một không hai, tuyên truyền cuộc tình thân thương sự khiêu dân gian tôn ngưỡng mà nhỏ, và nhất là tuyên truyền cho óc cử nghiệp khiến bao nhiêu người suốt đời thiết tha xôi kính nấu sữ chỉ làm lễ đến ngày cấp độ! Mỗi khoa thi mở, là một sự náo nhiệt trong suốt dân gian. Thi sinh sắm sửa but, quyền, lều, chõng đã đánh, đen cả gia đình, họ hàng của thi sinh, từ chủ đồ rai lưng đề cho chõng theo đồ nghiên bút cho đèn-ông già bà cả chỉ mong một chút thơm lây, từ chợ búa đến bên sông, từ thôn quê đến thành thị, không ai là không nói đến kỳ thi. Rồi đèn ngáy cửa trường mở, rồi đến những ngày chờ đợi hơi hộp, rồi đến lúc xướng danh những tiếng trống châu vang làng giã nước và sau cùng những cuộc rước vinh quy nào lung lung ngựa xe, lao trong chiêng cờ quạt, ai đã sống ở một nơi yên vị trong thời khoa cử còn lại đây, không thể quên được những ngày náo nhiệt chứa mở khoa thi.

Trong sự huy hoàng, sự long trọng ấy có thâm sâu một phương châm chính trị rất sâu sắc. Đem ròn tam trí, của sĩ tử vào khoa cử, người « quyền xưa nay đó mà hướng đạo nhân dân được dễ dàng theo một quy mô nhất định. Lối học cử nghiệp khép tâm trí học trò vào một khuôn khổ chật hẹp, kẻ ra rất có hại cho văn hóa, cho tư tưởng, nhưng rất có lợi cho người « cầm * chính thống ». Nó là một lợi khí quan hệ

để trừ những tư tưởng, những khuynh hướng đầu hay đầu dở, mà người ta gọi chung bằng một danh từ hạm hồ là « tà thuyết ».

Một ý nghĩa chính trị nữa của sự huy hoàng ấy là làm tăng thanh thế cho những sĩ tử trúng cách mà sĩ tử ấy tức là những viên chức sẽ ra cầm quyền chính, sẽ làm cha mẹ dân. Theo quan niệm « nhân trị », người trị dân phải có một thanh thế đặc biệt, vậy muốn cho kẻ « nhân sĩ » trở nên một « vị-đại quan », người xưa đã khéo đem tất cả huy hoàng vào cuộc khảo thí, khiến người trúng tuyển bình như có một sự màu nhiệm gì biến hóa hẳn, mà chính tục ngữ ta thường ví họ với « cá hóa rồng ».

Những phương châm chính trị ấy ngày nay còn thích hợp không? Câu thúc tư tưởng bằng lối cử nghiệp lễ cổ nọ là một sự hại lớn, hại cho học thuật, hại cho tư tưởng, hại cho sự tiến bộ của quốc-gia. Mà thực ra với sự phát triển của sách vở, báo chí, ngôn luận hiện thời, thì dầu có muốn câu thúc cũng không được. Còn như mượn huy hoàng khoa cử mà tăng thanh thế chức viên thì đối với dân trí ngày nay vì tất đã có công hiệu. Dân trí ngày nay đã vượt qua giai đoạn thần quyền, họ không tin ở sự màu nhiệm nữa. Họ xét người ở việc làm, ở tài, ở đức. Ở cái đời xa thực tế, cần đại thừa đủ gây thanh thế cho khách tu mi.

Vậy cho nên ta có thể kết luận rằng: Công hiến của tính ~~khô~~ long trọng, huy hoàng của chế độ khoa cử đời xưa, và theo ~~khô~~ mà hết vận, « rằng hay thì thực là hay », xong không chắc còn hay mãi mãi.



... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thân của mình mà thấu lấy những cái khí hùng vĩ của dân tộc no phối hiệp với những cái di truyền của tiên nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai.

MARÉCHAL PÉTAIN

Nhưng chế độ khoa cử xưa còn có một đặc điểm khác, xưa đã hay mà nay lại càng hay: là tinh thần bình đẳng trong sự kén chọn nhân tài.

Nhân dân bất cứ giàu nghèo, sang hèn, ai cũng được ứng thí; và khảo tuyến đời xưa đã được tiếng rất công bằng.

Lâm-ngữ-Đông là một nhà văn không tư vị cự cử chế mà cũng công nhận rằng: «Thi cử xưa, ai cũng được dự, trừ con nhà cao xirông hay ăn mày, và học hành ai cũng theo được vì không tốn kém gì. Học vẫn bao giờ cũng là đặc quyền của kẻ thông minh chứ không phải của kẻ giàu có. Không thấy ai vì nghèo mà phải bỏ học. Cho nên ta có thể nói rằng các thí sinh (dầu nghèo) đều bình đẳng dự thi». La Chine et les Chinois (tr. 207).

Chế độ bình đẳng ấy, đối với thời xưa rất có lợi cho chính thể quân chủ: nhờ đó mà bọn vương hầu quý phái ít có cơ hội mà tiếm quyền, vì quyền ở trong tay những quan viên xuất thân khoa mục là những người không có vây cánh sẵn, và không có dị ý, chỉ dốc lòng tận trung với chính thống.

Ngày nay với chế độ dân chủ lẽ dĩ nhiên tinh thần bình đẳng ấy rất hợp thời. Các nhà cách mệnh Trung-Hoa khát khao bình đẳng, khi nhận thấy trong kho tàng của nhà một bảo vật như thế, lẽ dĩ nhiên hết sức ca tụng chế độ khảo thí đời xưa; vì lòng khâm phục cựu chế đi đôi với tinh thần quốc gia, nên có khi họ đã ca tụng một cách thái quá. Trong diễn văn về «Ngũ quyền lập pháp», Tôn Văn tuyên bố rằng: «Nước Anh thi hành chế độ khảo thí rất sớm, nước Mỹ mới theo có độ 2, 3, mươi năm nay. Chế độ khảo thí của nước Anh là học chế độ khảo thí của nước ta. Chế độ khảo thí của Trung-Quốc là hay nhất trong thế giới, vì các nước khác cũng chỉ là bắt chước nước Anh».

Xem đó đủ thấy các nhà lập hiến Trung-hoa khâm-phục chế độ khảo-thí biết chừng nào.

Đó là một lẽ khiến họ không ngần ngại đặt một quyền tối cao thêm vào các quyền khác.

Còn một lẽ nữa phức tạp hơn. Nhưng cũng không có giá trị gì hơn.

Các nhà lập hiến Trung-hoa, vốn có nghiên cứu hiến-pháp ngoại-quốc, và nhất là hiến-pháp Mỹ-quốc. Trước đây, ở Mỹ, nhân viên cao cấp chính-phủ đều kén chọn theo lối hầu cử. Nghĩa là quyền kén nhân viên cũng ngang với quyền lập pháp, vì cùng vì ý nguyện của nhân dân. Lối kén chọn có nhiều điều bất lợi, nên đã cải cách, và dần dần Mỹ-quốc cũng theo chế độ khảo thí.

Trong khi Tôn Văn thảo ngũ quyền hiến-pháp thì vấn đề ấy còn đang được thảo luận. Thái độ trước chế độ hầu cử tuy đã thất bại, nhưng vẫn còn để lại cho dư luận những ý kiến của họ viên ra mà bênh vực thuyết hầu cử. Ý kiến chính là giữ cho quyền «kén chọn công chức» một bảo đảm chắc chắn từ ra cũng ngang với quyền lập pháp.

Tôn Văn đã chịu ảnh hưởng của cuộc thảo luận ấy, nên đã đặt ra một cơ quan khảo thí. Nhưng chất cả lý luận của hai phái địch thủ: trong bài «Ngũ quyền lập pháp» (Tôn Trung-Sen toàn tập q. IV), Tôn kể lại một cuộc bầu cử công chức ở Mỹ, có hai người ứng cử, một bác-sĩ, một tài xế, rút cục, tài xế được bầu, rồi kết luận, Tôn bài bác chế độ hầu cử. Nhưng muốn cho quyền khảo-thí có bảo đảm chắc chắn, nên Tôn đã đặt quyền ấy ngang hàng với quyền lập-pháp, tức là có nhương bộ đối với thuyết hầu cử một phần.

Muốn bảo đảm sự công bằng, có cần phải định quyền khảo-thí ngang với quyền lập pháp không?

Lịch-sử đã giải quyết vấn đề ấy. Ở các nước, cả nước Mỹ, quyền khảo-thí không độc-lập, mà khảo-thí vẫn không đến nỗi hư bại; và chính ở Trung quốc, về cửu cở, quyền khảo-thí tuy phụ thuộc quyền hành-chính mà khảo-thí vẫn có tiếng là công bằng.

Cho nên ta có thể kết luận rằng quyền khảo-thí là một quyền thừa, hay nói cho đúng hơn, là tất phải lập một quyền khảo-thí tối cao đã không có ích gì mà lại là một sự trở ngại cho công việc hành-chính thêm phiền phức, thêm tri giác.

PHẦN ANH

XA HỘI VIỆT-NAM

= TỪ' THE KÝ THƯ' XVII =

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

BÀI THỨ HAI MƯƠI BẢY

VII.— Hành trình

của chiếc thuyền buôn « Grol »

Tiêu dẫn.— Trong số 13 của tạp chí *Excursions et Reconnaissances* xuất bản tại Saigon vào năm 1882, ông A.J.C. Geerts, cố vấn bộ Nội vụ ở Đông-kinh, có đem dịch ra chữ pháp tập hàng hải nhật ký (*Journal de bord*) của chiếc thuyền buôn (yacht) hòa-lan « Grol ».

Chiếc « Grol » được viên giám đốc chi nhánh « Ấn-độ Hòa-lan, thương hội » (*Compagnie orientale des Indes néerlandaises*) ở Bình-hộ-đảo (Hirado) là ông Koeckebacker cử đi mở đầu cuộc thông thương giữa Hòa-lan và Bắc-kỳ. Sau đó Ấn-độ Hòa-lan thành lập hội mới lập một chi điểm ở Phố-hiển (Hưng-yên).

Nguyên văn tập nhật ký hiện lưu trữ tại Thuộc địa công văn khố ở La Haye.

31 tháng giêng tây.— Ngày 31 tháng giêng năm 1637, chiếc yacht « Grol » rời bến Tiểu khẩu gần thành-phố Bình hộ (Hirado) trên đảo Bình-hộ (Hirado, Nhật-bản) để sang Đàng - ngoài. Trên thuyền có viên thương đoàn trưởng Karel Hartsinck đứng đầu phái bộ thương mại này ; có ông Vincent Romeyn, người Hòa-lan, trú ngụ ở Trường kỳ (Nagasaki) không làm cho Ấn-độ Hòa-lan thương hội, một mình đứng buôn bán riêng và trong việc bán buôn không gì liên lạc với lão Melchior Santvoort, là người Hòa-lan đã đến Nhật bản từ ngày 19 tháng tư năm 1660. Ông giám đốc chi nhánh của Thương-hội ở Bình hộ đảo là ông Nicolaas Koeckebacker đã nhờ ông Vincent Romeyn đi chuyến này và đem tri thức

và từng trải ra giúp thương hội để đền công ông, hội cho phép ông mua (ở Nhật-bản) chừng hai nghìn rưỡi nén tiền hàng và hội chớ không cho hàng ấy sang Đàng ngoài cho ông. Nhưng hội buộc ông Karel Hartsinck phải chịu trách nhiệm nếu ông Vincent Romeyn lạm dụng sự nhượng bộ của hội (tức là phép của hội).

Trong số hàng thuyền Grol chở đi, trị giá được 36 vạn 6 nghìn 5 trăm 88 florins, thì chỉ có 18 vạn 8 nghìn 1 trăm 63 florins là dành cho Đàng-ngoài thôi mà ngược về đồng với sắt đã hết 17 vạn 1 nghìn florins rồi, còn ra thì có thêm ít thứ hàng âu-châu và nhật-bản.

Ông giám đốc của hội ở Nhật bản có giao cho ông Karel Hartsinck một bức thư đề dâng lên quốc vương xứ Đàng ngoài và ông còn dự định phải một thuyền thứ hai là chiếc yacht Waterloo Werve từ Nhật bản sang Đàng-ngoài nữa.

13 tháng hai.— Mấy hôm trước có bão, thuyền gãy mấy bánh lái và đứt mất hai neo. Bảy giờ rưỡi tối ngày 12 tháng hai thì thuyền vào vịnh Tayouwan (Đài loan, Formose). Van den Burg, đứng quản trị chi điểm của hội ở Đài loan (Tayouwan hoặc Fort Zelandia) có phái một chiếc xuồng ra đón ông Karel Hartsinck lên bộ ngay.

25 tháng hai.— Đến 25 tháng hai, chúng tôi lại nhổ neo và định chạy thẳng xuống Quinam nên có trang trí (armer) một chiếc màn hiệu là Lautekou có một hoa diêu, chín ng ỏ. Hòa-lan và chín người trung quốc ; ở Đài loan chúng tôi có mua thêm 2 nghìn 3 trăm 64 florins hàng và sắm hai khẩu súng (thần công) có đánh 6 một chiếc nặng 1020 một chiếc nặng 1030 cân (livres), đạn nặng 12 cân để biếu vua L

Giol, Hiện giờ thì thuyền đang chạy giữa đảo này và hai mũi lè. Đảo không thấy gì trên địa đồ của ông thuyền trưởng Hendrik Arendsz.

29 tháng ba. — Chúng tôi trông thấy đảo Sahoe (Sahou) ở ba hải lý về phía nam. Thuyền theo hướng nam tây nam mà chạy về phía đảo Frakaki (Gat-ba, cách bờ biển này độ 1 hải lý thì bề sâu 12 sải ở phía đông, từ Frakaki, từ ngoài khơi vào lòng bể càng ngày càng nông: từ đảo Sahoe đến đảo Frakaki bề sâu 12 sải, ở phía tây đảo là chỗ tối đây chúng tôi buông neo thì bề sâu 5 sải. Cách đảo 1 hải lý về phía bắc đông bắc và đông bắc có một hòn thấp và phẳng, và lằm dầm ngầm; về phía tây đảo cũng có nhiều đá ngầm chắc là dưới mặt nước có nhiều đá hoặc bãi nổi ngầm. Chúng tôi định cử viên phụ việc Huibrecht Eems và viên thông ngôn Strick lên bộ tìm viên quan địa phương, biểu ông này chừng 8 đến 10 lạng các lược nang nhật và nệm tập với vua Lê cô thuyết chúng tôi đến và xin phép vua cho chúng tôi ngừợc sông ngay với tất cả hàng hoá, các đồ tặng phẩm và bức thư dâng lên vua.

30 tháng ba chúng tôi cho hai viên phụ việc Huibrecht Eems và Strick lên bộ. Quả đem theo cho viên quan có:

bốn ấm đun nước (chừng 1 lit)

bốn ấm đun nước (chừng nửa lit)

hai hỏa lò để pha chè (? brasero)

hai chiếc kiếm nhật (? catabre)

Viên hoa tiêu được lệnh là phải đo xem cửa sông Giang sâu bao nhiêu. Sâu từ 8 thước rưỡi đến 9 thước (pied) nước. Viên hoa tiêu được dân sự đón tiếp tử tế lắm.

Ngày 1 tháng tư, ông quan (địa phương) gửi cho chúng tôi 1 bức thư và tặng chúng tôi năm nghìn đồng tiền (zeni theo tiếng nhật tức là tiền) và 1 con lợn còn sống.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

MỤC VIÊN

Pacifique

XANH — TÍM

KHÔNG PHAI MÀU

= KHÔNG CẶN =

Có bán tại các hàng sách

MUA BUÔN HỎI:

Mr DO VAN THIÊU

Nº 94, Maréchal Foch, VINH

ĐÃ CÓ BẢN

Ngô vũ' ông Quyên

Lịch sử ký sử mới của TIỀN TIẾN MẠI

Những giai đoạn cạnh liệt kỷ phát trong thời một vị đại anh hùng Việt-nam — Luộc chiến đẩu không ngừng của thiên với ác... cũng là sự gieo vãi mầm độc lập đầu tiên cho tổ quốc Việt-nam

Bài lịch đánh quân Nam Hán — Trần Bạch-dăng-giang.

Sách dày 250 trang.

Giá 4\$80

SẮP PHÁT HÀNH

Hát dậm Nghệ Tĩnh của Nguyễn đồng Chí

Thơ ĐỖ PHỦ bản dịch của Nhượng Tống

Tên Việt — 29, Lamblot, — HANOI

CÒN MỘT ÍT

Vương Dương.

Giá 1\$80

Nguyễn văn Siêu

2, 50

Truyện dị thường quyền li

4, 50

Chính trị đại cương

3, 70

Triết học Aristote

3, 80

Tìm nghĩa văn học

2, 20

Triết học Descartes

4, 50

Siêu hình học

5, 00

Văn hào Tostoi

2, 40

Lý Tao

6, 00

GIA-ĐÌNH VA GIÁO-DỤC

VAI PHU'ONG CHI'AM

CỦA CHÍNH-SÁCH GIÁO-DỤC du'oi thoi Cách-mệnh Pháp

(1789 - 1794)

TRONG DƯC

Friedrich Engels, một nhà cách mệnh có danh, đã viết « cuộc cách mệnh đăc thắng nào cũng đưa đến một sự phát triển lớn về luân lý và tính thần » Lời đó rất đúng cho cuộc Cách-mệnh Pháp, và người ta đã biết, giữa bao nhiêu nỗi khổ khăn về việc đối ngoại cũng như về việc cải tổ nội-trị, quốc hội Convention đã sẵn sôc đến rất nhiều những vấn đề văn học khác nhau.

Một cuộc khảo sát những di thư về sự phạm và học chế của những người thời 1789 - 1794 mang lại cho ta nhiều điều chỉ giáo thiết thực và có bổ ích vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là sự nghiệp về giáo dục của thời Cách-mệnh rất phong phú vì sản xuất vào cuối thế-kỷ XVIII đăc đẩy những chương-trình giáo dục đều có mục đích tái tạo nhân loại. Lẽ thứ hai là tính cách táo bạo của những chương-trình ~~khởi~~ vào giữa thời-tri tranh đấu thực sự của giai cấp tư sản và tiểu tư sản chống lại cuộc phản động phong kiến, và những chương-trình đó có tính cách cấp tiến đến nỗi ngày nay cũng còn nhiều điều cần phải đem thực hiện.

Mỗi lần người ta nhắc đến những tên, nào Rousseau, nào Condillac, nào Helvétius, nào Diderot, nào Morelly, người ta đủ thấy sự phong phú của tư tưởng s. phạm ở thế-kỷ XVIII liên hệ trong trí nhớ. Mà biết bao nhiêu di kiến giữa những người đó ! Biết bao nhiêu điều tương phản hiển nhiên mà chính họ đã nêu lên ! Dide-

rot, bằng những suy diễn quá tr tuyệt đối, cơ giới đă viết một thiên-biên bác tư tưởng của Helvétius; Rousseau đă giao phó Emile cho một gia sư, trái lại Helvétius yêu cầu một nền giáo dục xã hội, công cộng mà ông cho là phương tiện duy nhất để kết hợp trong ý thức mọi người cái nguyện vọng đạt tới hạnh phúc riêng và cái ý muốn đạt tới hạnh phúc chung. Sự bất đồng về tư tưởng đó không lạ vì họ là những nhà luận thuyết của phái *Tiers Etat*, mà *Tiers Etat* đâu phải là một lực lượng xã hội thuần nhất, là một giai cấp mà chính là gồm nhiều giai cấp, thành ra các triết gia đó đại biểu cho nhiều lớp khác nhau của đội binh tranh đấu vì tiến bộ kia.

Chính ở học thuyết của vài người trong bọn họ cũng không hiếm những hình thái và những yếu nhân động. Ở Rousseau chẳng hạn sự mâu thuẫn nổi bật lên : ông muốn cho người dân ông được rèn luyện về tự do, về sáng kiến, về nghĩa tự lập thể mà cho người dân bần, ông lại muốn một nền giáo dục rèn lĩnh phục tòng và thuận mệnh.

Rousseau đă nhận thấy mặt trái của nền văn minh rực rỡ đương thời, ông nhận ra nó đều đều móng trên những thống khổ của dân chúng. Đó là điều giá trị lớn ở thuyết của ông. Nhưng từ những nhận xét kia ông rút ra những kết luận nó quay lại sự tiến bộ, sự phát triển về kỹ thuật và văn hoá, nó muốn lời loài người hă

lại sau trở về cái mà ông gọi là « trạng thái tự nhiên », về lối sinh hoạt tộc trưởng ở trình độ cổ sơ. Rousseau không lĩnh hội hết cái giá trị của nhận thức loài người và của giáo dục khoa học : ông chủ trương—ở đây ông có lý—sự học bằng quan sát, thực hành, cách trí và hoạt động của đứa trẻ, nhưng ông không thể nối liền cái kinh nghiệm trực tiếp của đứa trẻ với cái kinh nghiệm của loài người đã thân góp qua lịch sử mà chính khoa học tiêu biểu vậy. Ông nhất định quăng bỏ cái học văn khoa học, ông không cho Emile đọc sách, ông không cho nó đồng hoá, và chỉ muốn cho nó tự phát minh hết thấy mọi điều. Đo đó có ít nhiều sự quá đáng cũng với cái gọi là tự do giáo dục nó không có tính cách tiến bộ chút nào.

Rousseau đã có khi ông nói nhiều đến tính cách quan trọng của sự giáo dục giác quan. Nhưng đến cái điều ông mưu biệt lập nó ra ngoài sự mở mang trí tuệ do nhân tạo để cho lý trí đứa trẻ ngủ yên tới năm mười hai tuổi thì thật là có tính cách đặt lùi rõ rệt.

Người ta cũng trách ở Rousseau không có tinh thần trí tuệ (esprit de suite). Thật ra điều mâu thuẫn ở hệ thống của ông chính là phản ảnh tính cách mâu thuẫn của sự vật : khoa sự phạm của ông do dự giữa tự do và phục tùng, giữa khoa học và bất học, giữa sự can thiệp tổ chức của lý trí loài người và sự phó mặc việc rèn luyện đứa trẻ cho những cảm giác ngẫu nhiên, có khác gì những lớp xã hội trung gian thương lượng lự giữa quá khứ và vị lai, giữa sự can thiệp táo bạo để mưu tiến bộ và sự buông theo những mộng tưởng khô khan.

Các nhà học giả cực phách nhất ở thế kỷ XVIII đã không tìm ra cho những vấn đề họ nghiên cứu những phép giải quyết mà ở thời đại họ chưa đủ yếu tố tạo nên. Diderot trách Helvétius về luận quá sơ lược về sức mạnh tối cao của giáo dục, ông nhận ra những lực lượng xã hội kia nó ảnh hưởng rất mạnh tới con người. Diderot có lý về chỗ đó. Thật ra giáo dục, chính thuyết, ý tưởng

chỉ hoá ra cực mạnh khi nó nhập thể với những lực lượng tiên tiến có bản chất đối tượng và xã hội. Nhưng Diderot chưa phát minh ra những lực lượng xã hội đó chung quanh ông, và nếu ông trách Helvétius đã koan mình trước vua nước Phổ, thì chính ông lại chờ đợi ở sáng ý của hoàng hậu Catherine II để thực hiện những kiến giải tiên tiến của ông. Thành ra nhà đại học giải lý lý kia đôi khi đã rời bỏ chủ nghĩa duy lý của mình trước những vấn đề sinh hoạt xã hội để rơi mình vào những lý vọng hoàn toàn ảo tưởng.

Lý tưởng nhân bản.

Tuy nhiên những điều trái ngược trên đây chỉ là những bóng tối vô nghĩa trên cái bản rực rỡ về tư tưởng, sự phạm ở thế kỷ XVIII. Rousseau đã tỏ ra táo bạo, ráo riết một cách bình dân biết bao nhiêu trong công cuộc bài xích cái chủ nghĩa ngu dân (obscurantisme) trước kia, phản đối sự khinh miệt thần thánh và thủ công, chống lại cái kinh viện học phái (scolastique) và phép tự hình giáo dục (verbalisme), đề chủ trương nền giáo dục hoạt động và cụ thể, nêu lên những phương pháp quan sát và thực nghiệm, cổ vũ sự liên lạc giáo dục với cuộc đời, nâng cao sự tôn thờ dân dự và đức hạnh dân chúng. Tất cả sự nghiệp của ông đều tràn đầy một mối tin tưởng nhiệt liệt vào con người, vào những năng lực của lý trí vào những lực lượng sáng tác của người ta.

Đi từ những khởi đề (prémisse) khác, Condillac cũng đi tới mối tin nhiệm không kém, sấn vào trí tuệ, vào lý trí của con người : điều mà ông muốn trước hết là dạy cho đứa trẻ biết tư tưởng, nghĩa là biết liên lạc những ý tưởng. Ông chủ trì rằng sự suy nghĩ của người ta, sự phát triển về trí do phán đoán của họ phải là mục đích tối cao của giáo dục.

Phê bình về Helvétius, trong tác phẩm Sainte Famille, Karl Marx có viết : « Tinh cách bình đẳng tự nhiên về tài trí giữa mọi người, sự đồng-

(Xem tiếp trang 18)

CẢM GIÁC QUE

DINH GIA-TRINH

Đồng phẳng lặng, lạch nước trong veo, quanh co uốn khúc sau một nắm gò. Màu thanh thiên dịu bất ngát, buổi chiều lằng lằng. Chấm khách nhầy nhét ở đầu bờ, bụi đời đánh đậm siêng năng không nề bóng sẽ chiều vẫn còn bị bơm dưới bùn, nước quá đầu gối. Một con, cò trắng dẻo đang bay êm như nhung trong không khí tế nhị như nước suối trong. Chừng là hiện thân của sự khoái lạc về nhục thể, của sự nhàn hạ và phiêu diêu, của tự do. Chung lai còn là hiện thân của đẹp. Đầu ruồi thàng ngang bằng với mình, hai chân ruồi xuôi về nẻo sau, nó bay chậm, nó bay nhanh, nó vỗ cánh mềm rẻo, rồi nó vào chân trời, mượn cái hiệu dáng của các họa sĩ cổ vẽ tranh «son thủy». Vũ trụ như của nó, mà con người ta cất chân không khỏi đất, thay bậc rộc vô hạn cái, chất nặng nề của mình. Con cò bay rồi lại đậu: nó là là cách mặt đất độ mấy tấc, rồi sát gần, rồi chân nó nhẹ nhàng đặt lên đất, để dài, tự nhiên, màu nhiệm, như mọi hoạt động của tạo hóa. Nó thông thả đi trên đảo đất bị nước hỗ trợ, có hoạt động mà vô tri như tạo vật. Rồi nó đứng dừng lại, lặng yên, xung quanh vắng vẻ, tựa như ánh hùng độc lập. Rồi nó lại cất cánh bay, nhẹ như chẳng ngờ, không gây một tiếng động trong không khí.

* * *

Dọc ~~đi~~ ^{đi} quanh co, hai bên đầm rộng ngòi giải. Cuối thu sen đã tàn còn để sót lại trên mặt nước những lá rần reo như buồn một nỗi buồn ly biệt. Nước phẳng lặng, đồng ruộng phẳng lặng, cỏ xanh xanh: cỏ điển, nền nếp, và dĩ vãng, và ngưng đọng.

Trên suốt một giải đầm sen, chỉ có lá cây súng tròn như cái bánh đa, nổi trên mặt nước, duyên keo kết với nước, phủ cả bộ mặt với giới xanh như tận hưởng tình của giới đất. Có những chiếc lá hơi ả vàng, có chiếc còn xanh mơn mẫm: thu đầu phải chỉ là mùa lá chết, hồi thi sĩ! Nước phủ bày một bộ áo, như sô dây lên trên mặt một

linh hồn. Những lá tròn này có cội rễ ở dưới bùn thân mong manh của những cây con ấy lấy sinh khí ở trong phần sâu hoắt đất nước. Nghĩ đến hình ảnh của Bergson: lá khô rụng nổi trên mặt hồ, tựa cái phần kiến văn, ý thức rõ rệt của con người ta; dưới mặt nước mới là cái tiềm thức sâu kín. Đây những lá cây súng nổi trên mặt hồ mà rễ ăn xuống đáy hồ, đó là cái phần tinh túy của tâm hồn ta, (cái tiềm thức nữa), những ý niệm đã nhờ nghệ thuật đem phô tỏ ra ánh sáng mặt trời.

Giữa đầm lá tẻ ngắt, bỗng ở phía bên kia bờ cách xa đường cái không bao nhiêu, lộ một bông hoa súng màu thanh thiên. Người du khách đi đường sẽ không trông thấy nó đâu vì nó không nổi rộ rở. Ai bảo nó không quân tử hơn sen, vì sen còn đồ chơi, cảm dỗ mắt người ta; sen còn tỏa hương thơm, dễ làm người ta quyến luyến, dễ kích thích dục vọng ích kỷ người ta khiến người ta hại đến rộp chè. Sen còn có duyên nợ với trần thế. Ở đâu bảo sen là «hoa quân tử», thơm nước hương bên cạnh bùn, để ta gọi súng là «hoa tiên tử». Chẳng bao giờ nó nở nhiều: cá một giải hồ rộng mông mênh, có một mảnh bông hoa rộ lên. Nó không hèn nhát nở, dễ làm tăng thêm một góc tạo hóa. Nó là nhà ẩn sĩ. Sen biểu hiện cái cao quý trong sạch của người ở với người, thì nó biểu hiện cái thanh khiết và cốt cách của một cái gì không phạm tục. Hoa «tiên tử» đáng mọc ở suối Thiên Thai.

Hoa súng màu thanh thiên, duyên nợ nó với tôi là tất cả một lịch sử! Thuở còn bé, tôi từng nó nở ở trước nhà, trong một cái ao thân mật có lũy tre phía ngoài. Ngõ nhà tôi mở thẳng ra bờ ao. Cái ngõ nhỏ, có mái, có xà tre đánh đu được, nay tôi còn trông rõ quá! (Khi xưa tựa ở đó tôi, mong thấy mẹ tôi đi xa về, hoặc đi Nh... tôi sang chơi). Lúc ấy tâm hồn con trẻ của tôi (tôi mới lên sáu, lêu lắt) kinh nghiệm sự đời bằng giác

quan, tôi cảm sự đẹp và một cái gì lâng lâng thanh khiết ở hồng hoa sừng, nở không biết về mùa nào. Nghe và đọc hàng ngày những chuyện tiên, phật, tôi thấy ở vùng giang trên lầu trời rộng, và hồng hoa sừng vờn ánh trăng trên mặt nước rung rinh, những biến hiện đầu tiên của đẹp.

Rồi gần mười lăm năm giới không trông thấy thứ hoa đó nữa, bởi một lẽ dễ hiểu là tôi ra ở thành tại. Thường năm năm, đen tết, tôi mua những tấm kính chụp hoặc vẽ những kỷ hoa dị thảo của Tây-phương. Rồi cách đây một năm (đạo ấy cũng là cuối mùa thu), vào chơi làng Triều Khê ở Hà-Đông với một vài người bạn, ở giữa một cái ao nhỏ gần một cái quán đầu làng, tôi mới lại được trông thấy một bông hoa sừng càng lúc càng rực rỡ. Vần hoa cò lạp, ngời lên mặt nước đỏ hồng tay, cánh bao dưới màu phớt nâu, cánh hoa dài thon thon, màu thanh thuần mát mát, làm rạng cả mặt hồ. Sự gặp gỡ như một cuộc trùng phùng. Lòng tôi rung như kẻ tình si đã tìm thấy cố nhân. Như ở một thuở nào, tâm hồn tôi với màu hoa ấy đã có thể non hén biển! Hoa sừng trông hôm ấy ở làng Triều Khê, ấy là cô thiếu nữ đẹp vô ngần, khuê các và quý phái. Lòng lúc ấy đang vô định, những buổi chiều khi ấy còn là những chiều đợi chờ và đầy mộng mị.

Rồi năm nay cách ngày ấy một năm, trên một con đường gập ghềnh, ngồi trên chiếc xe đạp, tôi lại trông thấy hoa sừng lan thứ ba. Vần nó, ý như ẩn hiện dưới màu giới và màu nước. Nở êm như ru; không yến oanh, không ong bướm, không tỏa hương ngát, bao giờ cũng ra đơn chiếc. Hôm nay nó là con người tiên nữ tôi gặp một lần ở Đào nguyên, biệt ly mãi mãi.

Đỉnh vắng: sân gạch khô, cửa gỗ mốc trắng, gờm cánh tuồng sao làm rạc lòng! Mở một cánh

CAM GIAC QUE

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

TẠP VĂN TRỒNG VĂN HỌC TRUNG QUỐC NGÀY NAY

MỘT LU MỀ MIAN

— NGUYỄN VĂN CUA BẠCH CHÍ TUÂN —

TRUYỆN DỊCH

Rét, rét quá nhỉ!

Đó là những câu nói mà ngày thường, trong lúc làm việc, chúng tôi than vãn cùng nhau. Bất kỳ là giới nực hay giới lạnh, chúng tôi vẫn làm việc, vẫn rên rỉ chừng ấy chuyện. Dầu ôn-độ ngoài kia có lên cao hay xuống thấp đến chừng nào thì chúng tôi cũng chẳng biết hạo!

Trước đây, tôi còn là một người thợ tập việc trong một xưởng làm nước đá. Sau ba năm tập việc thì từ hè năm ngoái tôi đã được lên chân thợ chính thức. Thế là mỗi tháng được mười hai đồng lương. So với hai đồng tiền công lúc còn đi tập sự, thì ngày nay lương đã lên được mười đồng. Nhưng kỳ thực mỗi tháng chỉ ăn lên được năm đồng thôi, số là xưa kia không mất tiền cơm, mà nay nay phải giả tiền cơm đó, mỗi tháng mất đi năm đồng. Mỗi đầu đối với tôi bốn tiền năm đồng được lạng đó vẫn là quý hóa lắm rồi. Có ba năm học tập, ba năm kinh nghiệm mới được chừng ấy, phải dễ dàng gì!

Xưởng máy nước đá và cửa hàng... đều lập ở trên bờ sông. Xưởng ở mé trên cách cửa hàng chừng bốn mươi dặm. Cái bộ máy làm nước đá là cứ ngày đêm quay, quay tít như thế đấy, mùa nực cũng như mùa rét; từ lúc tôi đặt chân vào xưởng cho đến ngày nay nó vẫn cứ quay mãi, quay hoài như vậy.

Mùa hè, nước đá chế ở xưởng ra là phải nội nhật độ chở đến cửa hàng để đem bán. Mùa đông nước đá làm ra cũng nội nhật độ phải chở xuống cửa hàng. Nhưng mùa rét thì không bán, mà chỉ trữ lại trong một cái hầm ở ngoài thành phố để sang năm sau, cho có đủ nước đá bán luôn từ tháng tư cho đến tháng chín. Xưởng thợ làm trên sườn một ngọn núi, kề với giòng sông, lấy nước chảy một giòng sông thiên tạo làm « nguyên động lực ». Lộ máy lẽ tại nhiên, là một bộ máy dùng sức nước. Ngày giờ, công việc chúng tôi chia làm hai buổi. Thợ chia làm ba tốp: một tốp coi máy: máy nước, máy ép, máy điện và máy làm nước đá; một tốp nữa chuyên chở bao nhiêu những nước đá mới chế xong và chứa ở trong gian kho kề bên với nhà máy ra đến thuyền ở bến đó. Còn tốp thứ ba được nghỉ.

Tốp thứ ba tôi gọi là « tốp chờ ». Tốp thứ nhì là « tốp dự bị »: còn tốp thứ ba là « tốp nghỉ ». Cứ sáu giờ lại thay đổi một lần. Ví dụ: Sáng ra đến 6 giờ là tốp chính vào trông coi nhà máy cho đến 12 giờ. Lúc chuông rung, tốp ấy được nghỉ. Được nghỉ, ra phải đi ăn cơm trưa ngay; ăn xong lại vào tốp dự bị, giúp đỡ máy anh phu khuôn nước đá xuống thuyền. Sáu giờ chiều được về, đi ăn cơm xong là phải đi ngủ ngay. Số là chỉ ngủ được sau giờ đồng (Xem tiếp trang sau)

cửa ra: âm u tối tăm. Tôi không muốn bước qua ngưỡng cửa. Cỏ mọc chen vào khe những hòn gạch. Tường trắng đã rêu bần, những lục gỗ mộc nhu đề tiết ra một tình nản. Phát hương người, hương tàn, chân hương siêu đồ.

Chùa hẻo lánh trên đồi. Cũng sân gạch, cũng cửa gỗ màu bạc, cũng nương sân sau chùa khiến tôi nghĩ đến Lan của Khai Hưng. Giới đã chiều, cảnh u tịch càng thêm u tịch. Luồng rau cái, luồng khải sơ sắc.

Nó chiều, chuông chiều là mùi hương như vôi tôi cầu nguyện. Một chú tiểu ở cuối hành lang tới nhô ra nhìn tôi. Ánh tối mặt mờ, như một nhân vật Liêu Trại. Những pho tượng đặt trên bàn thờ, lớn nhỏ vạc tới thâm cung và ngôi hai giấy hành lang, như linh động và quá rõ chỉ phối việc đời. Một tình tình vừa sợ, vừa vừa như cảm thông một cái gì tối lian, kết ta bước chân để đặt, họ hấp kin đáo. Một vị già, đạo mạo như một mẫu m, để tôi đồng chiều nghiêng một bộ mặt lợt lạt, lạnh lùng.

Ra khỏi chùa thấy gió, cây, trẻ dắt trâu về trường mình vừa lĩnh một giấc mộng.

Một quán giành lúp xúp bên đường. Nhà hàng là một người đàn bà đứng tuổi, mặc cái áo cánh nâu đã bạc và rách vai, bên cạnh có hai đứa con nhỏ.

Bát nước chè tươi màu vàng lơ lửng, phớt hoa lý, chàng nhà quê xe gạch kia uống mới ngon làm sao. Đĩa xôi đầu, bát chè bà cốt, rồi miếng giầu, miếng thuốc lá hút khoai tráp. Họ ăn, họ nói, trông hề hã như không hề có vật vả, kẻ nhọc. Họ không mong mỗi gì cao xa quá, họ không mong trong lòng cái « điên rồ » rất điên rồ của các người vãi mình và của các người làm thợ. Tim họ chỉ có màu hoạt động của động vật mà không

(Xem tiếp trang 19)

CAM GIAC QUE

MOT LU MIE MAN

(Tiếp theo trang trước)

hồ cho nên ai nấy đều hồi hã ngủ ngay. Đến mười hai giờ đêm, bọn thợ « hạ bàn » ở xưởng ra đập dấy. Tôi là ăn mồi, ăn rõ vài miếng cơm nguội để ăn vào, thay tốp chính thức làm cho đến sáu giờ sáng. Máy, bộ máy bằng sắt, bằng thép kia, dầu có quay quanh năm thì nó cũng chỉ có một nấc. Nhưng thân thể chúng tôi, chỉ là bộ máy bằng thịt mà bảo vệ nào theo cho kịp nó ! Trong lúc mười tám giờ, phải làm việc đến mười hai giờ. — Cố nhiên : trong khi ăn uống bữa ăn bị, cổ lúc nước đá làm chưa kịp thì cũng thỉnh thoảng được nghỉ. Chỉ có sáu giờ ngủ. Mò trong đó còn phải trừ thì giờ để ăn nữa. Năm tôi bước chân vào xưởng này là chính năm xưởng mới mở cửa. Để mấy lần bọn thợ và bọn tập việc đem nhau lên xin với chủ gọi thêm một tốp thợ nữa, để cho bốn tốp cùng làm. Chúng tôi cũng đã nói phớt mình về cách chia tốp : mục đích là cốt cho mỗi người thợ có thể mỗi ngày ngủ được tám giờ và có chút thì giờ rảnh để đi lo liệu một vài việc riêng như là mua đồ vật, nhờ người viết thư v.v.. Nghe chúng tôi nói, chủ nó chỉ nheo mắt lại và lắc đầu một cái rồi đuổi cả tụi chúng tôi ra khỏi « bay rỏ ». Cố nhiên là số thợ vẫn y như cũ. Số là thêm vào mười tên thợ nữa, thì trong số chỉ phí cũng phải thêm vào mấy con số nữa : khác gì đem cả một khúc ruột heo chửi mà cắt ngang đi ?

Thế mà năm sau, bỗng thấy lão tư ý gọi thêm một tốp thợ nữa, thành ra chúng tôi mỗi ngày cứ hai tốp vào làm thì hai tốp được nghỉ. Số là người ta thấy rằng bọn thợ khai « ma lá lả » và xin nghỉ nhiều quá. Hình như lão chủ đã thấy rằng : giấc ngủ đối với chúng tôi cũng quan trọng, mà sự nhu yếu này chính là một yếu-cầu của thân-thể.

không có thể giải-quyết bằng phương-pháp lặt đầu được.

Mùa đông chúng tôi vẫn làm việc trong xưởng nước đá. Nhưng trong nhà ngoài giới đầu đàn cũng rét cho nên cũng không biết lạnh cho lắm. Nhưng tiết hè ở ngoài đi vào mình mấy ngày những bộ hơi, thoát bước chân vào gian phòng rét giá của nhà làm nước đá, là da thịt đã rợn hằn lên ; rồi lại phải trần trọc trong phòng, làm lạnh rét cả người. Choáng cả đàn óc với không khí ẩm thấp trong tòa nhà kín mít ; và lại tưởng tượng là sơn đen, nên chỉ đèn máy cũng chỉ lơ mờ. Lũ người trong phòng, in như một đoàn ma cùng nhau mò rờ quanh quẩn. Giờ này là giờ mở thùng nước đá. Một lưỡi g hời trắng lờ trong thùng bốc lên, làm cho chúng tôi lại càng cảm thấy rét công. Xong đó lại phải cùng nhau cúi xit vào đem bộ máy mà kéo đi kéo lại, đem bao nhiêu hòm trước là cứ từng dãy từng dãy đẩy vào trong thùng nước gỏi. Độ vài phút sau, lớp nước đọng lại trên mặt nước đá trôi hết đi là phải đổ hòm ra, lấy nước đá, khuôn đến kho bên ở bên cạnh. Xong đó lại đem hòm không ra, giới nước cho sạch để lại thả lại vào trong thùng. Khuôn « đá » gỏi « đá », giới nước cũng vậy, suốt sáu giờ ròng rã không hề được nghỉ ngơi một chút.

Lúc đứng coi máy nước, hoặc này ép thì cũng gọi là « nhàn » được đôi tí nhưng cũng không hề giảm trễ nải tí nào. Số là trục máy quay rất nhanh ; như cái « máy nước » chẳng hạn, mỗi phút đồng hồ nó quay đến bốn nghìn « tua ». Không biết có phải là vì máy chế chưa được thiết khéo hay không ? Nhưng cái cốt đầu của trục máy thỉnh thoảng lại không chịu quay. Nếu không luôn luôn rưới dầu vào cho kịp, là

cốt trực và lهن trực xát ngay cồng nhau, sức nóng lên hẳn, lهن cho cháy hết cả dầu, tóe cả khói khét rẹt lên và làm cho cháy sém cả trực. Một mặt, nưa cái máy nước lại rất ồn, cho nên lúc hai người làm việc đứng trước mặt nhau muốn nói cùng nhau câu chuyện gì là phải dùng ngón tay ra hiệu, thay cho mồm.

Có một lần, hôm ấy giờ còn nóng nực lúc tôi phải khuan « đá » lên: thuren, thì đầu bên cầu tôi gặp một thằng cu-ly gánh than. Thấy bầy nhiều nước đá, thằng bé nhìn tôi với một cặp mắt thêm thường lết sức. Nó hỏi thăm tôi về tình hình nhà máy tôi làm, và nói.

« Chúng mày sung sướng chết! Có « đá » mà ăn mát nhẹ! Ha, ha, ha.

Thực ra trong bon « Cu-ly, cu lắn » chúng tôi những chỗ hiểu lầm như vậy nào phải riêng, gì một thằng bé gánh than! Nếu tự mình không trải qua cảnh ngộ kẻ khác, thì không lại nào hiểu rõ được sự thực. Tầng không khí ẩm thấp và rét giá đã làm cho chúng tôi rừ như cả chân tay và nhừ cả óc, phát phìên cả ruột lên suốt đêm suốt ngày thì có; chứ nào chúng tôi đã bao giờ cảm thấy cái khoan khoái của lão chủ xưởng ngồi mát dưới quạt điện bên ống « hơi lạnh » đâu!

Mới đây, một người anh em bạn thơ vì không chịu nổi cái khí hậu nóng lạnh bất thần mà ngộ-bệnh, rồi chết. Chúng tôi thương anh ta còn vợ đại còn thơ, cho nên đem nhau lên xin chủ rộng lòng cho vợ con anh ấy một món tiền ít nhiều gì đó, gọi là « tử luật » cho người xầu số. Lúc đầu lão vẫn cứ chiếu lệ, lắc đầu, không nói nửa lời. Một lát sau thì xem chừng lão cũng động lòng thương và hứa cho nam đồng. Chúng tôi nài xin thêm. Thế là lão đổi ngay nét mặt dạn bưng bưng lên nói: « Nó chết thì can gì đến tao kia chứ? »

Nghe câu nói đó chúng tôi liền trầm mặc ra về. Tôi cũng im lặng đi về, bên thềm nước đá; định cất cái nắp thùng lên làm việc tôi lại nghĩ bụng:

— Nào phải riêng gì bọn làm lụng chúng mình là một lũ rừ nư cả người! Chính ông chủ kia cũng đâu ư hoảng vảng và không hề có biết gì là cảm động nữa!

Tôi đã định bỏ ngay cái xưởng « đá » này mà đi. Đi xa hẳn cái chốn lạnh lùng tôi tắm này. Đi đến một chỗ nào sáng sủa, ấm áp hơn một tí.

Thế mà mãi mãi đến ngày nay tôi vẫn phải ở đây với bọn bè cồng cả tay chân vừa làm việc vừa than vãn: « Rét nhĩ! Rét quá nhĩ! » Tôi vẫn chưa tìm ra chỗ ấm áp, sung sướng hơn cái nhà nư.

Trích ở tập Tác phẩm, I-31.

VÕ TÂM dịch

TU SÁCH NGAY MỜI

BÀ PHÁT HÀNH

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LƯỢC

Bà MỘNG-SƠN DẪN

Căn cứ vào hiện-chứng-pháp; tác giả nghiên-cứu về vầu-dề phụ nữ trên thực trạng của xã hội Việt-nam. Giá

SẼ PHÁT HÀNH

« HỒNG GIÁO »

với ông Đào duy Anh

nghiên-cứu của NGUYỄN UYÊN DIỆU

Việt và Sông

Bình-luận về văn-chương Việt-nam hiện đại

của NGUYỄN XUÂN HUY

VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ HỘI =

nghiên cứu của LUONG ĐỨC THIẾP

Còn một ít: ME TÔI của Nguyễn Khắc Mẫn 3580

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

81, Henri d'Orléans, HÀ NỘI

= BOITE POSTALE N° 9 =

Giám đốc: LÊ MỘNG CẦU

VÀI PHƯƠNG CHÂM...

(Tiếp theo trang 12)

nhất giữa những tiến-bộ của lý-trí và những tiến-bộ về kỹ-nghệ, thiện-tình của loài người, quyền lực tuyệt-đối của giáo-dục, đó là những yếu-tố cần-thiết ở hệ-thống của ông. » Và Marx lại viết thêm : « Không cần phải tài giỏi lắm mới nhận ra mối quan-hệ giữa chủ-nghĩa cộng-sản và chủ-nghĩa xã-hội với cái học-thuyết duy-vật về khuynh-hướng tự-nhiên tới lẽ thiên, về sự bình-đẳng của tài-trí giữa mọi người, về quyền-lực tối cao của kinh-nghiệm, tập-quán, giáo dục, về ảnh-huống của ngoại-vật tới người, về tính-cách quan-tọng của kỹ-nghệ, về bình quyền hưởng-dụng, v.v... »

Đó, cái tính cách hiệ của Helvétius là ở chỗ đó,

Cũng cái lý-tưởng nhân-bản ấy nó kích-thích những triết gia ở thế-kỷ XVIII và ngày nay nó hằng kích-thích những ai muốn cho mỗi đứa trẻ, mỗi phần-tử của xã-hội có thể mở-mang đầy đủ tất cả những năng-lực của bản-thân để, theo lời Diderot, cùng mưu hạnh-phúc riêng và chung, để có thể hưởng hết mọi quyền-lợi mà không nguy hiểm và không trở ngại.

Hiện nay người ta vẫn còn, vì quyền lợi chung, yêu cầu như Diderot, nền giáo-dục không mất tiền cho tất cả mọi người. Diderot nói :

« Một đại-học-viện là một trường mà cửa mở cho tất cả tôi con một nước không phân-biệt. Tôi nói không phân-biệt vì thực là điều vừa tàn-nhân vừa phi-lý nếu người ta đẩy dọa trong sự đốt-nát những địa-vị hạ-cấp của xã-hội... Nếu số nhà giàu và những nhà riêng khác so với số lâu-dài là vào tỷ-lệ 1 vạn với 1, thì ta cũng có thể, 1 vạn phần chọi 1, cuộc rằng tài-năng và đức-mạnh ở một túp lều giành ra nhiều hơn là ở một lâu dài. »

Diderot chủ-trương nền giáo-dục bắt buộc, không tôn-giáo, không mất tiền. Đại-đế nước Pháp về sau đã đi tới một chính sách giáo dục thỏa-mãn hai điều-kiện trên, nhưng mọi được một phần điều-kiện thứ ba. Tuy-nhiên, theo Diderot

còn một điều-kiện thứ tư nữa không kém phần cần-thiết. Ý muốn của ông, về sự giáo-dục cưỡng bách triệt-đề, hàng-hải đều nổi ông không những chỉ chủ-trương sự không mất tiền mà ông còn đi xa hơn nữa là đòi hỏi ở xã-hội một nền giáo-dục có thưởng. Trong những trường công, trẻ con không những được theo học, tiền phí-tồn do chính phủ chịu, mà chúng còn phải được nuôi nấng nữa. « Ở đó, chúng phải được thầy dạy, được sách vở, được bánh ăn.... sách vở mà có nhiề chúng không thể kiếm ra được, bánh ăn làm cho nhà pháp luật mới có thể bắt buộc cả những cha mẹ nghèo nhất cũng cho con đi học được. » Xem vậy thì đến ngày nay những kiến giải về học chế của một người như Diderot cũng còn xa sự thực hiện biết chừng nào.

Xét đến những quan-niệm su-phạm của ông cũng không khác gì. Không có điều gì lợi hơn là chẳng hạn suy nghĩ tới những khuynh hướng của Diderot muốn cho việc giáo-dục thành một công cuộc cần-thiết có tính-cách xã-hội và công-dân, muốn tăng gấp và làm chặt chẽ thêm lên những giấy liên lạc linh hoạt giữa trường học và trường đời. Tin chắc rằng giáo-dục phải biến những nô-lệ thành người tự-do và những người dã-man thành người văn minh. Diderot chủ-trương việc giáo-dục ~~thành lập~~ bởi xã-hội và vì xã-hội. Ông muốn rằng cái hạnh-phúc công cộng phải là mục-dịch của toàn-thể công-zuộc giáo-dục. Chính ông đã nhằm cái mục-dịch đó trong khi ông thiết-lập một lứa những liên-lạc giữa học-đường và công-chúng : cùng với phần đông các người quan-tâm đến những vấn-đề giáo-dục, ông cổ-vũ những kỳ khảo-thi và tập-luyện công-cộng và những buổi hội học sinh ở đó người ta phải mời đến tất cả « công dân ». Những cơ-hội rất nhiều mà ông cố gây nên để thắt chặt những giấy liên lạc kia tỏ ra rằng, trong ý Diderot, giáo-dục là việc vốn có tính cách xã hội

Nếu người ta lại nhắc đến những điều yêu-cầu thiết-tha về sự học của dân chúng năm 1789 đã biên chép trong những *Thỉnh - nguyện - thư* (Cahiers de doléances), đó cũng không phải là việc bất-hợp-thời. Người ta dễ dàng thấy ngay rằng những điều thỉnh-cầu của tổ-tiên đám dân quê, thợ-thuyền binh-dân ngày nay, đến giờ vẫn chưa được thực-hiện. Những yêu-sách đó, từ đã hơn 150 năm nay nó trôi lên từ những tầng lớp sâu xa của quốc-gia, không phải là không chính-dáng.

Một Thỉnh-nguyện-thư của kinh-thành Paris yêu cầu rằng cái giáo-dục công cộng phải ban-bố cho khắp các giai-cấp dân chúng. Một tập khác của phái Tiers Etat ở Lyon muốn cho mỗi khu vực có một trường học không mất tiền. Dân quê miền Pau đồng-thanh thỉnh-cầu người ta tăng số học-đường để dạy dỗ thanh-niên. Hạt Orléans muốn rằng sự học ở các trường đại-học được cải-tổ và tái-tạo, các giáo sư được trợ cấp và học-trò không phải trả tiền. Người ta có nên vạch rõ rằng nền đại-học không mất tiền hãy còn ở trong những thỉnh-nguyện của chế-độ dân-chủ ngày nay không?

Phái Tiers-Etat ở hạt Gisors đi xa nữa tới, chính sách bắt người giàu phải giả học-phí cho dân nghèo ; điều 28 trong Thỉnh-nguyện-thư của họ có nói : « mong rằng ở mỗi giáo-khu trong nước những trường học không mất tiền được mở ra để dạy dỗ thanh-niên và phí-tồn do những nhà lãnh-trung thuế thập-phân giàu có phải chịu ».

Toàn thể ~~thể~~ dân hạt Nemours cũng đồng ý khi họ, lấy nhân-danh uy-quyền và lực lượng của quốc-gia, nhân-danh mỗi lợi chung cần đến những công-dân sáng-suốt để chống lại chính sách cai-trị nào mê-muội và lầm lỗi, họ yêu cầu « nền học-chính phải được nâng-dỡ đến cực điểm » Phải chăng đến ngày nay nó cũng còn chờ đợi sự « nâng-dỡ cực điểm » ấy.

(Còn nữa)

TRONG - ĐỨC

(Theo Georges Cogniot trong tạp chí

La Pensée số Avril-Mai-Juin 1939)

CAM GIAC QUÊ

(Tiếp theo trang 15) Giời sinh ra ai cũng sống những đời sống chịu được cả. Kể hành khất kia, vừa nầy kêu nổi đau thương ủa nó, như một người cùng khổ nhất trong ' ' hạ, ra chỗ vắng nó đã nói bông lơn và cười đùa với vợ con và bạn nó rồi. Người trí thức, tự tạo ra những đau khổ còn long đong gập mảy những kẻ mà trên xe ngựa họ vẫn xót thương.

Cuộc sống êm ả quá. Bền luống rau, người đàn bà nhà quê vun gốc rau ca những tình mược của phong dao. Người đi chợ về gánh nặng trĩu hoặc đeo nải. Câu chuyện ở đầu bờ, trong hàng nước, nồi cơm chín bên đụn ra, khói tỏa lên nóc nhà.

Thôn quê ! Hai tiếng ấy chẳng phải chỉ đồng nghĩa với thi vị, với nhàn tản, với giản dị, thuở xưa ở những trường tiểu học, theo thói thường, khi người ta ra đầu đề bài luận : « sau này anh có tiền làm nhà, anh sẽ ở đâu ? », nếu không giả nhời : « ở bờ biển », hoặc « trên núi » (như nhà của thi sĩ Le Tasse), thì tất phải « ở nhà quê », để đi săn và đi câu, để « hít khí giời trong sạch » để đuổi bướm hoặc để ăn cơm trên cỏ xanh như chàng Rousseau trong trí tưởng tượng của một người học trò.

Nhưng nếu nhà quê có hôm là màu giời, sắc nước, yêu đương, muôn thi vị, thì có hôm lại là nhạt nhẽo, eo hẹp, trống rỗng ghê gớm. Hãy thử bỏ con đường thênh thang, lách vào con đường nhỏ trong làng. Ao bèo, vách đất, sân khô trắng, đậu đỗ trên đó leo một cây muống sơ sác. Hãy trông vào trong các túp nhà : cái phản gỗ, cái án thư, cái liếp nửa lăm tối mờ, những con người khô héo. Ai ở được nơi này nước tù, đời hẹp, trơ trọi tê liệt và đông kín.

DINH GIA TRINH

VIỆC GIỒNG BÔNG

1

Để giải quyết vấn đề quần áo cho dân Đông-Dương chúng tôi đã có nhiều lần nói rằng, ngoài những phương-sách tạm gấp (như dùng bông gạo, chọn gai với sợi v.v.) mà hiệu lực nhỏ hẹp về lượng cũng như về phẩm, chỉ có cách mở mang việc giồng bông là một kế hoạch hợp lý, thiết thực và có thể giữ được sự quan-trọng mãi mãi.

Vì vậy chính-phủ Đông-Dương đang chăm lo việc giồng bông, một mặt khuyến khích các nhà nông giồng thứ cây ấy, một mặt thi hành các cuộc thi nghiệm ở nhiều miền.

Đề thi hành nghị-định quan Toàn Quyền ngày 27 Avril 1944 quan nông-sứ đã chuẩn y các phương sách sau đây về việc khuyến khích trồng bông.

Tại khắp các tỉnh Bắc-kỳ, trừ hai tỉnh Hoà bình và Yên báy những nhà trồng bông được tự do hưởng về số bông sản xuất được. Về hai tỉnh Hoà-Bình và Yên báy, những nhà giồng bông phải nộp một phần số bông hái được cho sở coi về các thứ có sợi. Ngoài số bông ấy chỉ là một phần nhỏ trong số thu hoạch, chỗ còn lại các nhà giồng bông sẽ được hưởng tự do hoặc để dệt hoặc bán đi, hoặc đổi bông lấy sợi và vải.

Quan Thống-sứ Bắc kỳ lại vừa ký đạo nghị định sau đây nói về việc dùng bông ở các tỉnh Bắc kỳ.

Tại khắp các tỉnh ở Bắc kỳ, trừ hai tỉnh Hoà-bình và Yên-bay, hiện nay đều được tự do về việc:

1. Trữ, dùng, chuyển chỗ và bán bông cần rồi hay chưa cần sản xuất ở trong xứ; các sợi bông do mỹ nghệ sản xuất và làm bằng thứ bông sản xuất ở trong xứ.

2. Chuyển trở, trữ và bán các thứ vải do mỹ-ngệ làm ra bằng toàn bông, khổ rộng nhất 0m40 và phải là bông sản xuất ở trong xứ.

Các điều lệ trên đây sẽ thi hành cho cả các tỉnh Hoà bình và Yênbáy khi nào các tỉnh ấy đã giao về cho Comptoir Textiles 30 tấn (Hoà-bình) và 15 tấn (Yênbáy) bông theo như nghị định ngày 1er Juin 1944 đã ấn định. Đạo nghị-dịnh này cũng có dụng ý là khuyến khích một cách gián tiếp việc giồng bông.

Sở khuyến-nông ở mỗi tỉnh phát không hạt giống bông cho những nhà nông muốn giồng: Đó là giống

bông cao-mên dài sợi. Giồng nó có phiền phức hơn giồng giống bông Thanh-hóa vì nó choán đất xuất cả năm: reo hạt tháng giêng thì tháng 9 mới bắt đầu hái được, còn giống bông Thanh-hóa thì chỉ tháng giêng đến tháng sáu là xong, để có thể dùng đất cấy được vụ mùa. Muốn đỡ thiệt thòi, người ta có thể giồng xen đậu hay đỗ tương từ tháng giêng đến tháng tư, tháng năm. Nhưng trái lại, giồng giống bông Cao-Mên có lợi là sợi dài và đẹp, cây mạnh chống chịu được các bệnh và giồng một bện được hết ít ra là hai năm-liền. Sở Canh-nông có phát giấy dạy cách thức giồng thứ bông ấy.

Nhưng giống bông Cao-Mên có hợp với thổ-nghị Bắc-kỳ không? Đó là một câu hỏi còn đợi sự kinh-nghiệm giả nhời.

Về phần chính-phủ, đã ba năm nay, các sở chuyên-môn về canh-nông đã hoạt động để mở mang việc giồng bông ở Trung-kỳ, Nam kỳ và Cao Mên.

Chương trình và kết quả đã đăng trong « kinh-tế lập san », (số 3 năm 1943). Chúng tôi trích dịch và tóm tắt một vài đoạn chính trong bài tuồng trình ấy để bạn đọc có một ý niệm về công việc của chính-phủ.

Mục đích là tăng sức sản xuất của xứ Đông Dương về bông sợi một mặt bằng cách làm tăng rộng những khu vực giồng thứ cây ấy, một mặt bằng cách làm giúp bội hản lên cái số hoa lợi của từng mẫu.

A) Việc mở mang những khu vực giồng bông. Người ta giồng nhiều thêm ở những nơi xưa nay vẫn có giồng chút ít hoặc bắt đầu giồng trên những khoảng đất mới xưa nay chưa bao giờ có giồng thứ cây ấy.

a) Những khoảng đất vẫn giồng bông xưa nay.

Xưa nay người ta vẫn giồng bông:

— Ở Cao-mên, trên những dải đất hai bên bờ sông Cửu-long ngay sau khi nước đã rút hết, trong mùa hanh.

— Ở Đắc-kỳ, ở miền bắc và trung xứ Trung-kỳ, trên những ruộng đất sộp mà trong vụ tháng mười chỉ dùng làm bãi.

— Ở miền nam Trung-kỳ và trên những đất « giồng » ở Bến-tre. (Nam kỳ)

— Trên những giải đất đỏ ở phía nam tỉnh Baria (Nam-kỳ).

Sở canh nông Cao-mên cuối năm 1941 đã giồng được hơn 12.000 mẫu tày bông, đối với 6000 mẫu trong năm 1940, nghĩa là hơn hẳn gấp đôi.

Ở Trung-kỳ, sở canh-nông đã giồng được trong năm 1942:

Ở Thanh-hóa : 2120 mẫu tày đối với 1.475 mẫu (1941).

Ở Phú-yên :	825 —	225 —
Các tỉnh khác :	520 —	340 —
Tất cả lại :	3.465 —	2.040 —

Nghĩa là thêm được 70 l.

b) Những khoảng đất mới giồng bông. —

Giồng bông trong những vùng mà xưa nay chưa có cuộc thí nghiệm cẩn thận nào là một việc khinh suất có thể gây sự thiệt hại.

Tuy nhiên người ta đã nghĩ có thể giồng được trên những khoảng đất đỏ ở Sông-Bé, ở miền hạ lưu sông Đồng-Nai và miền hạ lưu sông Cửu-long, — hoặc trên những đất « giồng » ở Nam-kỳ. Ở những khu trên, có các công ty khai khẩn đồn điền, và những khu dưới thì số dân làm ruộng rất đông đúc : đó là những điều kiện thuận lợi để việc giồng bông có thể lan rộng được. Vì vậy, nhiều cuộc thí nghiệm đã được thực hành ở các nơi ấy do sự chung sức của sở Thanh-tra Canh-nông và Mực súc, ty Giám đốc việc di dân cùng các ~~canh-nông~~ địa phương và một vài Công-ty đồn điền cao-su,

Mọi cuộc giồng thử trong vụ 1942-1943 đã đưa tới sự kết luận sau đây :

1° Trên những khu đất đỏ.

Những khu đất đỏ ở miền hạ lưu Sông-Bé và sông Đồng-Nai không thể giồng bông được, trừ có khoảng Baria, Xuyên-Mộc. Bao nhiêu cây giồng mới mọc lên đều thời gốc, thối rễ, chết hại rất nhiều vì một giống vi trùng sinh sản ở trong đất. Người ta đang nghiên cứu một phương pháp chống với vi trùng ấy. Nhưng cứ hiện thời thì mọi cách đã áp dụng : reo những giống bông thật khỏe, dùng những lối giồng giọt thích hợp, thay đổi ngày tháng reo hạt đều vô hiệu, cho đến những điều kiện về thời tiết được rất tốt,

Trái lại, ở vùng Kompong Chamchup và vùng Baria, Xuyên-Mộc việc giồng giọt có kết quả tốt đẹp. Những giống bông mọc được rất khỏe là giống Cao-mên vẫn giồng ở hai bên bờ sông Cửu-long, và giống Bolovens. Bây giờ chỉ còn xét xem, giồng bông ở các miền mới này có lợi không, đáng về mặt kinh tế. Phải xét hai điều : nh công và sản phẩm

Về nhân công, người ta đã tính cứ mỗi mẫu tày giồng bông, phải cần từ 0, 6 đến 2, 6 điền lực, đây là chỉ kể những công việc giồng giọt. Thế mà ở những vùng này, dân số tùy nơi chỉ được vào khoảng 15 đến 20 người hoặc 30 người đến 75 người trong mỗi cây số vuông. Như vậy tất phải mang nhữ công ở nơi khác đến. Đó là một vấn đề cần phải giải quyết mới có thể mở mang rộng việc giồng bông được.

Về tiền vốn tính cả tiền công khai phá, tiền làm nhà cửa, tiền mua trâu bò, khí cụ, tiền chi phí về việc trông coi, đem số tiền tiêu về mọi khoản ấy chia ra làm 5 năm, rồi cộng với số tiền về việc giồng giọt thì người ta đã được con số trung bình là 340 đến 350 \$, số tiền phải tiêu hằng năm trong mỗi mẫu tày giồng bông ở những vùng trên. (Đó là theo giá năm 1942-1943).

Giá bán bông chưa bỏ hột là 75 \$ một tạ (nghị định 25 janvier 1943) Số thu hoạch ở mỗi nơi, nếu hoa lợi được tốt nhất, là :

489 \$ ở Bình-Ba	(Baria)
294 ở Péam Chéang	(Kompong Cham Chup)
512 ở Chamcar Andong	—
316 ở Chup	—

Nghĩa là ở Bình-Ba và Chamcar Andong thì có lãi nhiều mà ở Péam Chéang và Chup thì lỗ. Ở những khu sau, giá bán bông tẻ ra phải lên tới 85 \$ một tạ thì mới có lãi, mà theo giá vật-liệu và giá nhân-công hiện thời thì phải lên tới 130 \$ một tạ. Những điều kết luận trên chỉ đúng trong những cuộc khai khẩn lớn theo lối kỹ-nghệ. Chứ đối với các nhà tiểu nông, các thổ-dân những nơi đó, thì giá hiện thời thì hành là đủ có lợi cho họ để việc giồng bông được mở mang trong những vùng có đất sộp dân giồng giọt. Cũng nhờ vậy mà trong vụ 1942-1943 người ta đã giồng được 3.260 mẫu tày trên những khu đất đỏ ở Kompong Cham đối với 807 mẫu trong vụ 1941-1942 và 1 195 mẫu ở Baria đối với 55 mẫu trong vụ trước.

2° Trên những đất « giồng »

Cuộc thí nghiệm ở Vinh-châu và những khu gần tư nhân giồng ở Bả-liêu, Mỹ-tho, Trà-vinh đã (xem tiếp trang 25)

Tâm sự một nhà văn

==== NHAT KY CUA JULIEN GREEN ====

NGUYỄN QUÝ BÌNH và TRỌNG DỨC dịch

Lời người dịch. — Ông Julien Green mà chúng tôi giới thiệu với các bạn đọc đây là một văn sĩ có tài; ông có một địa vị rất khả quan trong đám tiểu thuyết gia hiện đại. Ông vốn là người Mỹ, nhưng cũng như một số ít văn sĩ ngoại quốc đã chịu ảnh hưởng sâu xa của nền văn học Pháp (1) bao nhiêu tác phẩm của ông đều viết bằng Pháp văn cả (?).

André Gide xét về ông, đặt ông vào hạng tiểu thuyết gia quái đản (*romancier fantastique*), — danh từ mà ta thường thấy dùng để chỉ nhà văn sĩ Nga Dostoievsky — *nhưng*: sở dĩ ông có một địa vị đặc biệt là nhờ ở tính cách hư ảo (*élément irréel*) người ta thấy trong sách ông.

Nhưng không phải vì thế mà những nhân vật ông tạo ra và hành vi của họ không có liên lạc gì với ta cả. Nếu ta bóc cái vỏ ngoài ra, ta bắt vài đặc tính của họ đi, ta sẽ ngạc nhiên thấy rõ bóng hình ta trong những nhân vật đó. . . .

Năm 1938 và 1939, ông có xuất bản 2 cuốn nhật ký (cuốn I gồm 1928 — 1934, cuốn II gồm 1935 — 1939) được nhà phê bình danh tiếng giữ mục « Tinh hoa các sách » (*Esprit des livres*, trong tờ « Tin văn » (*Nouvelles littéraires*) ông Edmond Jaloux và nhiều phê bình gia khác coi là hai cuốn sách rất có giá trị, đáng đặt bên những bộ nhật ký của Amiel, Mauriac, Gide. —

★

Nhật ký, có thể giải nghĩa là sự biên chép hàng ngày những cảm tưởng hay tư tưởng, những việc tâm tình riêng của mình hay những sự xảy ra của

người khác, tác giả tự ý ghi lại để riêng mình biết, để giữ làm kỷ niệm hay để suy đó mà hiểu biết mình và người rõ thêm ra.

Điều kiện cốt yếu của nhật ký là viết để mà giữ kín, nên nhật ký là một bằng chứng hết sức thanh thục.

Về sau, vì nhận thấy sự biên chép đó đối với người khác cũng không phải là vô vị, bởi lẽ những nỗi lo lắng, những niềm hy vọng hay những sự hoài nghi của tác giả cũng là những nỗi lo lắng, những niềm hy vọng, những sự hoài nghi của nhiều người khác, hay nói rộng hơn nữa: của nhiều người khác, — tác giả bèn mang xuất bản nhật ký của mình — xuất bản mà không gọt rũa lại cái văn, thu xếp lại ý tưởng để trình bày như một tác phẩm văn chương khác, thì anh ra nó vẫn giữ được nguyên tính là rất tự nhiên và thành thật —

Trong nhật ký của một văn sĩ không thể không có những câu chuyện văn chương với các văn sĩ khác những tư tưởng có liên lạc xa gần đến sự sáng tác là nghệ thuật — chính những đoạn đó, chúng tôi lựa chọn và dịch ra đây hiển các bạn.

Ta sẽ nhận thấy ở ông Julien Green một tâm hồn rất phong phú khiến ta ngạc nhiên và một lòng yêu nghệ thuật rất cảm động khiến ông mang hết tâm lực cố cho những phẩm của mình được toả ra một cách . . .

À là người có ít nhiều chuyện nợ với văn chương lại lĩnh đạm được trước hai điều ấy?

NGUYỄN QUÝ BÌNH

QUYỂN I

1928

5 Octobre 28. — Trang 178 cuốn sách của tôi quyền Léviathan. Sự thực về cuốn tiểu thuyết kỳ thế này: tôi là hết thảy các nhân vật.

1929

18 1) 24. Mấy hôm nay không thể nào chuyển hẳn làm việc được bởi nhiều lẽ, lẽ chính tại tôi không sao tìm thấy cách mở đầu cuốn sách

(1) Nga có bà Irène Némirovsky, các ông Joseph Kessel, Henri Troyat (giải Goncourt 1938) — Thổ có bà A. Rouba Jansky — Đức: ông E. Erich Noth — Balan: ông Jean Malaquais (giải Théophraste Renaudot 1939) — Tiệp: ông Rainer Maria Rilke — Ý: ông Léo Ferrero — Bồ: ông Panait Istrati, nhà văn sĩ giang hồ.

(2) Tiểu thuyết: Mont linère, Adrienne Mesurat (giải thưởng Paul Flat, Hàn lâm viện Pháp 1928), Léviathan (giải thưởng Harper), Epaves, le Visirinaire, Minuit — (Truyện ngắn: Le Voyageur sur la terre.

của tôi ! Như vậy thật rất khó chịu vì khi không viết lách gì tôi lại cảm tưởng rằng đời tôi là vô ích. Vậy mà, nếu lúc đó chưa đến thì không có sự cố gắng-nào làm cho tôi tìm ra được những trang mở đầu cuốn sách ấy. Điều an ủi tôi là những sự khó-khăn này cứ mỗi lần viết một quyển sách tôi lại thấy có. Tuy nhiên, tôi đã có những phút ngã lòng thực khổ.

18-10-29. — Bắt đầu lại cuốn sách của tôi. Chỉ thế có một cách mở đầu trong hàng trăm cách khác. Chán tiêu-thuyết !

1930

27-3-30. — Ăn sáng với Malraux. . . . Chúng tôi bàn về thể hệ van-sĩ trẻ, khoảng từ 20 đến 25 tuổi và về việc họ đã làm không có gì đặc sắc.

« Thì ông muốn họ làm gì ? Malraux hỏi. Họ lớn lên ở một thời kỳ thái bình, họ không bị kích thích bởi một cuộc chiến-tranh hay cách mệnh nào, điều ích cho ta biết mấy. »

Và sau ông nói câu này tôi chú ý lắm : « Quãng 18, 20 tuổi ; đời người khác gì một cái chợ mà người ta mua những giá trị, không phải bằng tiền bạc, mà bằng những hành vi. Khốn phần động người ta có ai mua gì đâu ! »

*

1931

27 Janvier 31. — Tôi muốn thử viết xong cuốn tiểu thuyết ~~của tôi~~ trong khoảng bốn hay năm tháng nữa, không phải là để cho rảnh chuyện, nhưng để chuyển cho cuốn sách sự hoạt động cần cho nó. Làm việc chậm quá, có thể làm cho chính sự động tác của cuốn sách cũng thành chậm đi.

7-2-31. — Rất bận tâm về cuốn tiểu-thuyết của tôi. Có một sự thực nhất định phải đi cho tới, sự thực ở lòng của « bất cứ ai đã bước chân vào cõi đời này. » Không phải sự thực của tiểu-thuyết không phải cái y-na ná sự thực nó làm cho người không chuyên nghệ trầm-trộ khen phục. Không, muốn tìm sự thực, phải làm việc trái lại với bản ngã, với khuynh-hướng mình, với những sự dễ-

dàng nhờ tập quán mà có, với sự thành công và với cả công chúng nữa ; phải bỏ hết những trang viết ra chỉ cốt để làm vui độc-giả. Danh-từ hợp lại nhu thế một giòng nước phải luôn luôn đi ngược lên ; ai đánh đề nó lôi cuốn tất đi thẳng đến chỗ thất-bại, vì đã quá lạm dụng danh-từ thì không thể bắt chúng nói sự thật được nữa.

17-2. — Sáng nay, tôi đã nhất định viết lại đoạn thứ nhì cuốn tiểu-thuyết của tôi. Những trang ấy thiếu mạch mẽ ; tình-tiết dẫn chậm chạp quá và thực ra cũng chẳng hay gì. Sự soi sáng — nghĩa là cách vận dụng những cái tương phản — yếu quá ; lời nói của các nhân vật không xuất tự đáy lòng họ ra và phần nhiều, sự thực sâu xa bị hi-sinh cho một sự thực của công-thức, một sự thực của tiểu-thuyết. Tôi ước ao rằng công tôi không đến ~~phải~~ ^{đến} ~~phải~~ ^{đến}. Tôi đã qua những giờ vất vả, tôi đã hoài-nghĩ tôi, hoài-nghĩ năng-lực sáng-tác của tôi và cả cách viết câu văn cho có mạch lạc. Hôm nay bình tĩnh và tự tin hơn.

*

17-2. — Nói chuyện với Gide rằng tôi làm lại đoạn thứ nhì cuốn sách của tôi, ông cho là rất phải. Ông thêm : « Giá ông nói rằng mọi sự hoàn hảo cả thì tôi lo. Ông sợ tập-quán là một điều hay. Là vì khi một cuốn sách bắt đầu dễ viết, chính là lúc nguy hiểm đó. »

*

18 Février. — Hôm nay Gide nói với tôi rằng ý ông muốn thử xuất-bản một cuốn sách của ông mà không đề tên tác-giả, nhưng cuốn sách sắp ra không thể làm thế được vì lẽ ông đã nói chuyện đến nó rồi, mà lại nói với nhiều người quá. Tôi bảo : « Thế thì đề cuốn sau nữa vậy. » Ông dơ hai tay lên, vừa cười vừa nói : « Vậy ra ông tưởng tôi có nhiều sách trong óc thế cơ à ? »

*

3-5. — Chiều nay làm việc một cách chán nản quá. Có một lúc, ngồi cạnh lửa và bản thảo đề trên đùi, tôi đã có ý đặt nó ngang trên giòng sắt

trong lò, như ta đặt một thanh củi. Nhưng sau, tôi thẹn vì có ý muốn đỏ và tôi lại tiếp tục viết.

*

4-5. — Tôi nhận rõ những chỗ hỏng của cuốn sách này, tôi phải làm cho thêm cụ thể nữa; tôi lại phải bỏ những chi giải-thích tẻ-m-lý làm nó ruộm rả. Và tôi còn ~~đ~~ viết lại cả cuốn, dù mất bao nhiêu thì giờ nữa cũng cam...

*

6-5 — ... Gide thân mật ngỏ ý cho tôi biết dự định của ông, và, tôi có thể nói, những điều nắn lòng của ông. Ông muốn viết một cuốn sách trong đó ông mang mình ra làm đầu đề, mà không được. Ông chỉ tạo được một nhân vật ở ngoài ông, không thì lại hóa viết nhật-ký; chứ viết một tiểu-thuyết trong đó ông sẽ là nhân-vật chính thì chịu không sao được cả. Ông cho đó là một chứng cứ rằng ông chính là tiểu-thuyết-gia và ông không đặt mình vào trong sách, như nhiều nhà phê-bình đã tưởng lầm.

*

23-5. — Chênh mảng nhật-ký này đề hoàn-toàn chú ý vào cuốn sách đang viết dở. Một trong những điều rất tầm thường tôi đã học được trong khoảng mấy tháng nay, là công việc của tôi chỉ thú-vị khi nào nó khó khăn. Chịu khổ tìm tiếng cho đúng thể rạo rức đi đọc đến công, nội-dùng chuyện nhờ đó mà sau được phong-phú hơn nhiều. Dùng những danh-từ na ná, chẳng khác gì nhào thành một thứ bột nó làm cho câu văn dính bết lại.

*

12-8. — Có những ngày mà ngay từ những chữ đầu tiên viết lên giấy, tôi đã biết rằng không làm gì ra trò cả; viết lách miễn-cưỡng, tôi không ưa — Sáng nay, làm việc một giờ. Chỉ làm đến thế được thôi. Tôi không thấy ai mà sức làm việc lại ít ỏi như vậy. Nếu tôi cứ cố làm quá lúc tôi cảm thấy không trôi nữa thì tôi không còn trông rõ những sự tôi diễn tả nữa. Tuy vậy, bất cứ lúc

nào tôi cũng suy nghĩ về cuốn sách tôi, và có lẽ công việc quan-trọng nhất lại làm khi tôi không viết lịch gì cả — khi tôi ngủ. (1).

*

19-8. — Làm việc một cách sốt sắng đáng ngờ. Đi mau như thế này thì khó lòng bay được. Vả, nào bản giáp, nào bản giáp của những bản giáp, tôi không còn biết rõ mình đến đâu nữa. Buổi sáng tôi viết đoạn cuối cuốn tiểu-thuyết, buổi chiều tôi cố viết lại đoạn đầu. Phương pháp ấy kể ra cũng có cái tốt. Vì đoạn đầu được sửa chữa lại nhờ ánh sáng đoạn kết. Và ở trang 3 tôi đã biết 200 trang về sau, một nhân-vật sẽ ra sao rồi.

*

24-8. — Cuốn sách tôi, bất cứ lúc nào tôi cũng nghĩ tới, cả trong lúc tôi đang đọc sách-khác. Nó quá trong trí tôi từng mảnh một, như những đám mây quạ trên trời. Tôi xây dựng nó lại luôn luôn nó chiếm lấy tôi như một định-kiến chiếm lấy người điên vậy.

*

Không đề ngày. — Tôi đã từng tưng bấn, ngày nay tôi biết nghèo khổ là thế nào; tôi đã từng đói rét. Có lẽ trong những cái mà số phận đã dành cho tôi, không có gì quý bằng sự từng trải đó. Nó thiếu hẳn cho ít văn sĩ ngày nay. Mặc họ!

*

9-9. — Những nỗi khó khăn thường vẫn gặp. Khi nào tôi ~~liền~~ liền ba câu không ngừng, tôi gần chắc chắn rằng một câu sắp « bùng nổ ». Luôn luôn lo ngại làm cuốn sách này trật bánh vì nhất đán một chữ dùng nhầm.

*

7-10. — Cuốn sách tôi gần xong. Trong một cuốn tiểu-thuyết như cuốn này, câu chuyện phải bật nổ — nếu có thể nói được vậy — ở tận cuối cùng như một thùng thuốc súng sau một cái ngòi dài dằng dặc.

*

(1) Tất cả công việc của chúng tôi là ở nghỉ ngơi (Gide). Lời chú-thích của dịch-giả.

21-10. — Với người viết tiểu-thuyết, có một sự thật công thức và một sự thật nữa có thể gọi là sự thật nhân-quan (vérité de vision). Người nào chuyên nghề thuật chuyện sẽ lĩnh-hội điều tôi cố diễn ra đây.

Thỉnh thoảng, những danh-từ như tự chúng ghép lại và gọi ra những hình ảnh có vẻ na ná sự thực làm nhà văn tầm thường và người đọc vô ý nhầm ngay. Sự thực nhân-quan cần một sự cố gắng vất vả hơn, một sự hi-sinh mình đi — Viết câu : « Nàng lùi lại trước cái nhìn đó » chưa đủ — Phải làm sao, tự bên trong, trông thấu điều mà những tiếng đó diễn tả. Nếu không thì câu sau kém thực đi một chút (nghĩa là nó không có thanh-âm của sự thực bên trong là sự thực độc nhất) và câu sau nữa lại kém sự thực đi hơn, và cứ như vậy đến khi nào tác-giả định thần lại được.

*

14-12 — Cuốn sách gần xong, tôi bỗng như bị cơn điên cắt sấn. Hai mươi ba trang bị bỏ một lúc, mặc dầu những lời ngăn cản của Robert (1). Hôm sau tôi lại gọt sửa cuốn tiểu-thuyết dày ấy nữa, trong đó mỗi câu đã làm tôi vất vả biết bao. Điều làm tôi ngạc nhiên là việc này đã không làm tôi tiếc mảy ; tôi lại thấy một chút thú vị là đáng khác ; tôi có cảm tưởng kỳ quặc nếm hưởng một cuộc bảo thủ.

*

23-12. — Robert đọc lại cuốn sách của tôi rất chăm chú, bỏ công-vất vả vì nó bao nhiêu — Những điều anh nhận xét quý cho tôi lắm. .. Anh khuyên tôi cắt bỏ nhiều đoạn — Không cho anh nói có lý làm sao được ? Người ta cắt bỏ thì phần nhiều là có lý.

*

31-12. — Hết thấy những điều tôi viết khỏi lên thẳng từ hồi thơ ấu của tôi.

*

(Còn nữa)

NGUYỄN QUÝ BÌNH
và TRỌNG ĐỨC dịch

(1) Robert de Saint Jean, một văn-sĩ bạn tác-giả.

Việc giồng bông

(Tiếp theo trang 21)

chúng tỏ rằng việc giồng bông có thể thực hiện được trên những khu đất « gừ », ở Nam-kỳ (1) mặc dầu thời tiết đã không được thuận lợi.

Vì đất xấu, nên phải bón nhiều phân chuồng, phân xanh, khô dầu.

Trong vụ 1942-1943, người ta đã giồng được khá nhiều :

ở Bến-tre 700 mẫu tây đối với 150 mẫu vụ 1941-42.			
ở Mỹ-tho 105 —	81	—	—
ở Ba-lien 600 —	0	—	—

(Còn nữa)

VŨ ĐÌNH HÒE

(1) Đất « giồng » là những đất cao, bằng đất bồi ở hai bên bờ những cửa sông trong miền hạ lưu sông Cửu-long và theo dọc bờ hồ (Nam-kỳ)

CUỐI THÁNG JUILLET SẼ CÓ BÁN

ĐỒNG TIỀN HAI MẶT

một truyện thực xảy ra từ 1915 đến 1925
thuật lại bằng một thể văn linh hoạt của :

NGUYỄN KHẮC MÃN

HẠN NAM QUAN

(NGUYỄN PHI KHANH và NGUYỄN TRÃI)

bức tranh lịch sử linh động của

HOÀNG CẦM

MỚI PHÁT HÀNH

THƠ của NGUYỄN ĐỨC CHÍNH. Giá: 1\$50

TRẺ THƠ — — — — — Giá: 1, 50

TARZAN NGƯỜI KHỈ

của TỰ CƯỜNG (truyện giải trí). Giá: 3, 25

Xin chú ý. — Độc giả có thể viết thư kèm tem
giấy lời về nhà xuất bản, sẽ nhận được một bảng
kê những sách giá trị sẽ xuất bản,

Cần rất nhiều đại-lý bán sách rong và ở
thôn quê. Hoa-hồng hậu.

Nhà xuất bản « NGƯỜI BỐN PHƯƠNG »

Giám-đốc : ĐỖ XUÂN GIỒNG

6, Đường Thành — Hà-nội — Giấy nói : 212

Việc quốc tế

TỪ 1er ĐẾN 8 JUILLET 1944

Mặt trận Á - Đông

Ở Trung-Hoa, quân Nhật vẫn tiếp tục tấn công vào các chiến-khu của quân Trung-khánh tại các tỉnh Hồ-nam, Chiết-giang và Quảng-đông.

Trên Thái-bình-dương, phi cơ Đồng-minh tại những căn cứ ở đảo Saipan lời đánh các vị-trí Nhật ở những đảo khác (Tintan, Omiya, Guam, Rota) trong quần-đảo Mariannes nhưng đều bị đánh lui. Tại vùng quần đảo Bonin (Ogasawara), xảy ra những trận kịch-chiến rất ác-liệt giữa hạm-đội Nhật và hạm-đội hạm-quân. Đồng thời hàng máy bay phi cơ Đồng-minh từ các hàng-không-màn-hạm tới đánh những đảo Iwoshima, Chichishima ở phía nam quần-đảo Bonin, nhưng bị thiệt hại nhiều.

* * *

Mặt trận Ý

Quân Đồng-minh vẫn tiến và tiếp tục hạ những thành Lorette, Recanati, Matelica, San Severino, Marche (phía đông), Cecina, Sienne (phía tây). Hiện nay lộ quân thứ 5 đang tiến đến gần hải cảng Livourne, nhưng quân Đức kháng chiến rất mạnh, muốn quyết giữ thành này; Lộ quân thứ 8 đã tới sát Avezzo ở phía Đông.

* * *

Mặt trận Nga

Cuộc chiến tranh ở khu Trung-ương lên tới mức dữ dội vô cùng, vì Hồng-quân đã đánh tới miền Ba-lan của Đức chiếm đóng.

Quân Nga tấn công vào ba nơi: Slutsk ở phía tây Bobruisk, Minsk và Polotsk ở Tây-bắc Vitbeik. Quân Đức bỏ các thành Bobruisk, Boryssov (ở giữa đường Orsha—Minsk),... để rút lui về thành Minsk. Nhưng sau khi cắt đứt được hai đường xe lửa chéo nhau Minsk-Brest-Litovsk và Luminetz-Vilno, và hạ mấy thành nhỏ chung quanh, Hồng-quân đã chiếm đóng Minsk, thủ-đô quận Bạch-Nga (3 Juillet).

Sau đó thành Polotsk cũng thất-thủ (4-7); và quân Đức tự ý bỏ thành Kovel (6-7) ở nam Ba-lan để thu ngắn trận tuyến lại có ý củng cố trận tuyến ở phía Đông Đông phổ.

Từ Polotsk đánh xuống phía Tây-nam và từ Minsk đánh lên Tây-bắc, hai đạo quân Nga đều đánh tới Molodechno, bao vây cả khu Lepel và phẩm cái đích là Vilno. Cũng từ Minsk đánh về phía tây-nam, một đạo quân Nga khác tiến đến Baranovich ở ngã tư những đường xe lửa Minsk—Brest-Litovsk và Vilno-Luminetz, và có ý nhằm nã Brest-Litovsk.

* * *

Mặt trận Tây - Âu

Ở Bắc Pháp, trên bán đảo Cotentin, những đội quân Đức cuối cùng bám riết lấy mỏm La Hague, sau một tuần lễ đã phải đình cuộc kháng-chiến vì hết đạn-dược và lương-thực. Trận thế xoay xuống miền Nam bán-đảo, ở đây quân Mỹ tiến rất chậm, chiếm đóng nhiều làng và hiện nay vẫn còn kịch chiến giữa khoảng từ Carentan đến La Haye du Puits.—Khu Caen, quân Anh sau khi chiếm được trường bay Carpignat đã bao vây thành Caen nhưng hiện đang bị quân Đức phản công dữ dội và làm thiệt hại rất nhiều ở phía bắc Caen, quân Đồng-minh lại đổ bộ thêm.—Khu đầu cầu Cabourg ở hữu ngạn sông Orne mà quân Anh mới lập được không có sự gì thay đổi.

Có tin tướng tổng-lư-lệnh quân đội Đức ở Tây-Âu, Thống chế Von Rundstedt, vì sức yếu nên Thống-chế Von Kluge được cử lên thay. Lại có tin quân Đồng-minh sắp khởi một trận mới, họ thứ hai mà người ta đoán sẽ ở vùng Bretagne nước Pháp.

Miền nam Anh vẫn bị « bom-bay » Đức sang tàn phá Anh đã phá dùng những « hàng rào kích-khi-câu » để cản-lại những bom tự-dộng đó.

H. D. D.

SÁCH MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— **Thượng Chi văn tập III** của Phạm-Quỳnh, do Alexandre de Rhodes thư xă xuất bản.

— **Luận lý du thuyết yếu lược** của Lam Giang, do Quốc-Học thư xă xuất bản.

— **Trẻ Thơ và Thơ** của Nguyễn đức Chính. — Tarzan người khỉ của Tự Cường, do Người Bồn Phương xuất bản.

— **Văn Học khảo luận** của Đặng Thái Mai, do Hàn-Tuyên xuất bản.

— **Ông Bàng Đôn** của Tiên-dâm Nguyễn Tường Phương, do nhà Trịnh Như Luân xuất bản.

— **Trung Dung chú g ải** của Phan Khoang, do Mai-Linh xuất bản.

Xin cảm tạ các nhà gửi tặng và giới thiệu với các bạn đọc.

T. N.

MỜI BẠN ĐÓN XEM :

HỢP NHÚT

Số đặc biệt của tuần báo THANH NIÊN

— Đề thắt chặt liên đoàn kết giữa người Việt

— Đề giúp đồng-bào bị nạn chiến-tranh,

— Đề thưởng-thức những bài của

Phạm Thiên, Khuông Việt, Ngô quang Lý

Hương Trà, Trương sơn Chi, Lê thọ Xuân,

Phan văn Hùm, Lâm Thao, Nguyễn hoàng

Tư, Bình nguyên Lộc, Dương Minh, Ngô

quang Huy, Việt Tiên, Qách Vũ, v. v...

và những bản nhạc của :

Lê Thương: (Một cung đàn Nam)

Lưu hữu Phước: (Hồn sông Gianh Tiên vào Nam)

XIN LƯU Ý.— Số thưởng giá 2p50; số đặc-biệt, có chữ ký của những tác-giả: không có giá (tùy các nhà bảo tâm xa gần định lấy). Bạn nào muốn có số HỢP-NHÚT gửi-tân tay xin gửi thơ dặn trước kèm ngân phiếu cho

O. HUỲNH TẤN PHÁT

Chủ-nhiệm báo Thanh-Niên

= 70, đường Mayer — SAIGON =

QUOC HOC THU XA

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUAN LY

DU THUYET

= YẾU THUẬT =

SẮP CỐ BẢN

Giá: 3\$80

Nghe thuật

và

Danh giao

Giá 2\$50

CÒN MỘT ÍT

Khổng Tử học thuyết	0\$50
Việt Hoa thông sử	5,00
Lịch sử báo chí	2,00
Lược luận về phụ nữ v. v.	2,50

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN CỤC
Số 214 — Phố Hàng Bông — Hà Nội

CÒN MỘT ÍT :

TRAI NƯỚC NAM LAM GI ?

« Bức thư cần kíp gửi cho anh... »
HOÀNG ĐẠO THUY

Sách tái bản. Giá: 2\$50

Lần in đầu bán hết trong một tháng

NGẠM NGẠI TÌM TRẦM

Giá : 2 \$ 00

THANH TỊNH

VANG BÔNG MỘT-THỜI

Giá : 5 \$ 00

NGUYỄN TUÂN

ĐÃ CÓ BÁN:

THẦY « LANG »

Phóng sự dài của TRỌNG LANG

Trích lời giới thiệu của **VŨ NGỌC PHAN**:

.. Trong lúc các nhà y-học nước ta muốn chấn hưng hệ thuốc của Đông-phương, thiên phóng « Thầy lang » ra đời thật rất hợp. Ch. tôi chắc không những các nhà y-học, mà ai ai cũng phải hoan nghênh, vì nó còn là một bài cảnh cáo cho các cơn bệnh biết mà coi chừng nữa.

Bản thường: **4\$00** — Bản quý: **25\$00**

Cuối Juillet 1944 sẽ có bán:

XUÂN VÀ SINH

nữ **THANH TỊNH**

HAI GIÒNG SỮA

của **NGUYỄN HỒNG**

Nhà xu. in **HÀN - MẶC**

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi về:

Ô. NGUYỄN NHƯ TÍCH

Số 26, phố, Hàng Quạt — Hanoi

HÀN MẠC TỰ'

THƠ'

IN ĐẸP — BÌA BA MÀU — TRANH CỦA PHẠM TỰ'

Giá mỗi cuốn: **5\$00**

Mua lẻ thêm cước **0\$50** — Không gởi lãnh
hóa giao ngân — Mua buôn được trừ 25%.

Xin do nơi:

Ong HOÀNG TRỌNG MIỀN

— 200, đường Pellerin, SAIGON —

SẼ RA:

Mùa xanh

Thơ của **HOÀNG TRỌNG MIỀN**

Ô-TÔ NHÀ LẦU

CÁI MỘNG ĐỎ

SẼ THÀNH SỰ THỰC

NẾU CÁC NGÀI BỎ 1\$00

MUA VÉ SỐ ĐÔNG - PHÁP

THƯ XÃ * ALEXANDRE DE RHODES *

mới xuất-bản

TRÚC ĐÌNH dịch thuật

Lên cung trăng

(« Voyage autour de la Lune » của Jules Verne)

220 trang khổ 17 × 23, bìa 3 màu và
26 bức phụ-bản của Mạnh Quỳnh vẽ.

Bản giấy thường **4\$00** — cước **0\$60**

Bản giấy Đại-la **12\$00** — cước **1\$00**

Tổng phát hành:

MAI LĨNH

21, rue des Pipes, Hanoi

NOUVELLE TRADUCTION

Kim Vân Kiều

của M. R.

— Một bản dịch Pháp-văn lột hết tinh-
thần cuốn « Đoạn Trường Tân - Thanh »

— Một cuốn sách quý cho bạn yêu
thơ, yêu văn.

Bản in mỹ-thuật có hạn

150 trang khổ 17 × 23

Bản giấy Đại-la **10\$00** — cước **1\$00**

Bản giấy thường **6\$00** — cước **0\$50**

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant: **VŨ ĐÌNH HÒE** — Fondateur: **ĐOÀN KẾ THIÊN** Imp. spécial du **THANH-NGHI**